

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON 2/9

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG MẦM NON 2/9

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ngô Thị Chí Hiếu	Hiệu trưởng, chủ tịch hội đồng, trưởng nhóm	Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 3, Tiêu chuẩn 4	
2	Trần Thị Thuận	Phó Hiệu Trưởng, phó chủ tịch hội đồng, trưởng nhóm	Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 3, Tiêu chuẩn 5	
3	Võ Công Thanh Thảo	Phó hiệu trưởng, trưởng nhóm	Tiêu chuẩn 1 tiêu chí 5 ; tiêu chuẩn 3; tiêu chuẩn tiêu chí 5.2 ; 5.3	
4	Phan Thị Kim Chi	Kế Toán	Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 3, Tiêu chuẩn 4	
5	Đặng Sơn Hòa	Tổ trưởng chuyên môn khối nhà trẻ	Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 3, Tiêu chuẩn 5	
6	Nguyễn Thị Hồng	Tổ trưởng chuyên môn khối Chồi	Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 5	

7	Trần Võ Dạ Lý Hương	Giáo viên- Tổ trưởng chuyên môn khối Lá	Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 5	
8	Hồ Thị Ngọc Tuyền	NV Y Tế - Tổ Phó Văn Phòng	Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 3, Tiêu chuẩn 5	
9	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	Giáo viên	Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 3	
10	Nguyễn Thị Kim Xuyến	Giáo viên - BT Chi Đoàn	Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 3, Tiêu chuẩn 4	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	6
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	1
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	3
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	9
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	9
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	11
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.	8
Mở đầu	11
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	11
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	14
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	16
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	19
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo.	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	26
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	29
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	32
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	34
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	37
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	40
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ.	41
Mở đầu	41
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	41
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	43
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	47
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	49
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.	50
Mở đầu	50

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn.	50
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.	53
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị.	55
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn.	57
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.	59
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	62
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	64
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.	65
Mở đầu	65
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ.	65
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	68
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	71
Tiêu chuẩn 5: Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	72
Mở đầu	72
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.	73
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	76
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.	80
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục.	85
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	88
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	90

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.4		X	X	X
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	

Kết quả: Đạt mức 2

2. Kết luận: Đạt mức 2

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: TRƯỜNG MẦM NON 2/9

Tên trước đây: TRƯỜNG MẦM NON 2/9

Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Hóc Môn
Đạt CQG	x
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	17/06/2019
Công lập	x
Tư thực	
Dân lập	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	Ngô Thị Chí Hiếu
Điện thoại	37100488
Website	
Số điểm trường	00
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Nhóm trẻ từ 13 - 24 tháng tuổi	1	1	1	1	1
Nhóm trẻ từ 25 - 36 tháng tuổi	2	2	2	2	2
Số lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi	3	5	5	5	5
Số lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi	4	6	6	6	6
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	6	6	6	6	6

Số nhóm, lớp	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Cộng	16	20	20	20	20

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	20	20	20	20	20	
1	Phòng kiên cố	20	20	20	20	20	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	4	4	4	4	4	
1	Phòng kiên cố	4	4	4	4	4	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	10	10	10	10	10	
1	Phòng kiên cố	10	10	10	10	10	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	3	3	3	3	3	
1	Phòng kiên cố	3	3	3	3	3	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác	3	3	3	3	3	
	Cộng	40	40	40	40	40	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	0	2	
Giáo viên	40	40	3	0	7	33	
Nhân viên	15	12	0	0	15	0	Nhân viên 15 trong đó có 1 kế toán , 1 y tế, 2 phục vụ, 6 cấp dưỡng ,1 van thư và 3 bảo vệ, 1 Thủ quỹ
Cộng	58	55	3	0	22	36	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Tổng số giáo viên	34	42	43	39	40
2	Tỷ lệ trẻ/ giáo viên (Đối với nhóm trẻ em)	0	11,1	11,5	12	14

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
3	Tỷ lệ trẻ/ giáo viên (Đối với lớp mẫu giáo không có trẻ em bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỷ lệ trẻ/ giáo viên (Đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	0	15,83	16,8	14,9	17,5
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	5	0	1	1	13
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	648	639	640	581	680	
	- Nữ	312	332	317	281	323	
	- Dân tộc thiểu số	0	7	5	8	10	
2	Đối tượng chính sách	0	0	0	0	0	
3	Khuyết tật	0	0	0	0	0	
4	Tuyển mới	250	240	270	132	328	
5	Học 2 buổi/ngày	648	639	640	581	680	
6	Bán trú	648	639	640	581	680	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	40,92	33,52	32	29	34	
	-Trẻ em từ 3-4 tuổi	159	138	130	124	150	
	-Trẻ em từ 4-5 tuổi	165	212	187	187	201	

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
	-Trẻ em từ 5-6 tuổi	249	220	256	198	245	
	- Trẻ em lớp ghép 3 tuổi - 4 tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em lớp ghép 4 tuổi - 5 tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em lớp ghép 3 tuổi - 5 tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em lớp ghép 3 tuổi - 4 tuổi - 5 tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em lớp ghép 2 tuổi - 3 tuổi - 4 tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em lớp ghép 2 tuổi - 4 tuổi - 5 tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em lớp ghép 2 tuổi - 3 tuổi - 4 tuổi - 5 tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em lớp ghép 2 tuổi - 3 tuổi - 5 tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em lớp ghép 2 tuổi - 3 tuổi	0	0	0	0	0	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	25	23	0	0	0	
	-Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	-Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	20	19	15	17	21	
	-Trẻ em từ 25 đến 36	55	50	52	55	63	

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
	<i>tháng tuổi</i>						
9	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non 2/9 được thành lập từ năm 1996 với tên gọi Trường Mẫu Giáo Măng Non 2/9, đến tháng 02 năm 2009 trường được đổi tên thành Trường Mầm non 2/9 theo Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2009 do Ủy ban nhân dân Huyện Hóc Môn cấp. Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, trường được xây mới khang trang, sạch đẹp tại địa chỉ 100E ấp Thới Tứ 1, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn và đưa vào sử dụng từ đầu năm học 2017-2018, cùng với hệ thống trang thiết bị, đồ dùng phục vụ cho công tác chăm sóc và giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục hiện nay.

Nhà trường luôn được sự quan tâm của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn cũng như chính quyền các cấp. Chi bộ Đảng hoạt động được sự quản lý của Đảng ủy xã Thới Tam Thôn huyện Hóc Môn. Đảng viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm. Các đoàn thể hoạt động tốt, hỗ trợ cho hoạt động của nhà trường. Sự phối hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ tốt về mặt tinh thần tạo động lực cho đội ngũ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, giúp nhà trường nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, Công đoàn và Chi đoàn đạt vững mạnh xuất sắc. Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, Chuẩn quốc gia Mức độ 1 năm 2020.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, luôn nhiệt tình, năng động sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ, tạo được niềm tin với các cấp lãnh đạo, cha mẹ trẻ và toàn xã hội. Đó cũng là nguồn động lực giúp cho đội ngũ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Mục đích TĐG

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ như hiện nay, Trường Mầm non 2/9 đã triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non theo nội dung tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Qua đó, giúp nhà trường chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu đối với công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ đó đề ra kế hoạch cải tiến phù hợp với tình hình thực tế nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm từng bước nâng cao chất lượng

chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, đồng thời thông báo công khai với cơ quan nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của đơn vị là cơ sở để huy động sự chung tay của toàn xã hội đầu tư cho giáo dục mầm non.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Để thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục đạt hiệu quả vào tháng 9/ 2022 nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 14 thành viên với đầy đủ các thành phần: cán bộ quản lý, chủ tịch công đoàn, bí thư chi đoàn, tổ trưởng chuyên môn giáo viên, y tế, kế toán, trưởng ban thanh tra nhân dân. Hội đồng tự đánh giá phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên theo chức năng, năng lực của mỗi người để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Thành lập Hội đồng tự đánh giá vào ngày 21/9/2022.

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá và triển khai đến toàn trường nhằm thực hiện tốt công tác tự đánh giá tại đơn vị.

Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 16/12/2022 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được chia ra 3 nhóm làm việc: Thu thập, xử lý, phân tích và lưu trữ thông tin minh chứng.

Từ ngày 19/12 /2022 đến ngày 13/01/2023 các thành viên Hội đồng tự đánh giá viết phiếu đánh giá các tiêu chí; xem xét, kiểm tra các nhóm hoạt động. Thảo luận các nội dung để bổ sung và hoàn thiện các tiêu chí đánh giá. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Viết báo cáo tự đánh giá tháng 1/2023.

Công bố báo cáo tự đánh giá qua buổi họp hội đồng nhà trường và bảng tin đoàn thể vào tháng 1/2023 để lấy ý kiến góp ý sau đó hoàn thiện báo cáo.

Hoàn thành báo cáo tự đánh giá vào tháng 2/2023.

Kết quả đạt được trong quá trình tự đánh giá chất lượng giáo dục không chỉ dừng lại ở việc hoàn tất các thủ tục của qui trình kiểm định chất lượng giáo dục mà quan trọng hơn là giúp cho nhà trường có cơ sở đánh giá chính xác và thực hiện việc điều chỉnh các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục một cách toàn diện.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Mở đầu:

Trường Mầm non 2/9 xây dựng kế hoạch năm học hàng năm thể hiện được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; thực hiện tốt công tác quản lý chuyên môn, tài chính, tài sản. Bên cạnh đó, trường còn chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Các Hội đồng trong trường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có sự phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên; thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1;

Nhà trường xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục. Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản,

được Phòng Giáo dục và đào tạo phê duyệt [H1-1.1-01]; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-02].

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-03].

Mức 2

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học và triển khai đến cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường mầm non một cách cụ thể; theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch năm học một cách đầy đủ và hiệu quả [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với tình hình từng năm học. Tuy nhiên sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa tích cực

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; có các biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược. Thường xuyên rà soát điều chỉnh cho phù hợp với từng năm học

3. Điểm yếu

Sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa tích cực

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 7 năm 2023 và những năm tiếp theo, căn cứ tình hình thực tế đơn vị và kết quả thực hiện hàng năm, nhà trường sẽ phối hợp lấy ý kiến đóng góp, tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng trong việc xây dựng rà soát điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng phát triển nhà trường qua các buổi họp cha mẹ học sinh đầu năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non 2/9 có thành lập hội đồng trường với 09 thành viên. Bên cạnh đó, nhà trường có các hội đồng khác do Hiệu trưởng thành lập vào đầu năm học như: Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng chấm sáng kiến; Hội đồng chấm giáo viên giỏi cấp trường[H1-1.2-01]. Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập đúng theo quy định Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường mầm non. [H1-1.2-02]

Hội đồng trường và hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, chịu trách nhiệm với: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; công tác huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực phát triển nhà trường; gắn kết nhà trường với cộng đồng và xã hội; bảo đảm thực hiện đúng theo kế hoạch năm học đã đề ra; phong trào thi đua nhà trường; chất lượng chuyên môn và đội ngũ giáo viên giỏi [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-04].

Hội đồng trường họp thường kỳ hai lần trong một năm học để rà soát, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ theo quy định [H1-1.2-01]. Các Hội đồng khác được họp vào cuối học kỳ I và cuối năm học nhằm giúp Hiệu trưởng rà soát đánh giá việc tổ chức tốt phong trào thi đua; chăm giáo viên giỏi; xét và công nhận sáng kiến; đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng trường và các Hội đồng khác còn triệu tập những phiên họp bất thường để giải quyết kịp những vấn đề phát sinh, cấp bách tại đơn vị.

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác thực hiện có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường như: luôn giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường không để xảy ra trường hợp đội ngũ giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh thắc mắc, kiện thưa tố cáo nhà trường vi phạm Quy chế dân chủ. Tổ chức tốt phong trào thi đua khen thưởng, phát huy tính tích cực thực hiện tốt các phong trào trong đội ngũ. Hỗ trợ nhà trường xây dựng đội ngũ giáo viên giỏi, xét sáng kiến đúng thời gian quy định [H1-1.2-02]. Tuy nhiên có một vài thành viên trong Hội đồng chăm sáng kiến cấp trường còn hạn chế về kỹ năng tư vấn và phân tích vấn đề.

2. Điểm mạnh

Trường Mầm non 2/9 có thành lập hội đồng trường có thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn.

3. Điểm yếu

Thành viên trong Hội đồng trường còn hạn chế về kỹ năng tư vấn và phân tích vấn đề.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 8 năm 2023, Chủ tịch Hội đồng trường và các thành viên cần nắm bắt năng lực của đội ngũ giáo viên, nhân viên trong đơn vị tham mưu đưa vào Hội đồng chấm sáng kiến những thành viên vững vàng chuyên môn, có trách nhiệm trong công việc, có kỹ năng tư vấn và phân tích vấn đề để giúp cho giáo viên viết sáng kiến có chất lượng và đạt hiệu quả cao

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- b) Hoạt động theo quy định;*
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- b) Hoạt động theo quy định;*
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các đoàn thể và các tổ chức khác với cơ cấu tổ chức theo quy định: Công đoàn cơ sở nhà trường trực thuộc Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn [H1-1.3-01]; Chi đoàn trường 18 đoàn viên trực thuộc Đoàn xã Thới Tam Thôn [H1-1.3-02]; ngoài ra nhà trường còn có Chi hội khuyến học [H1-1.3-03] và Hội chữ thập đỏ [H1-1.3-04].

Nhà trường có các đoàn thể và tổ chức khác hoạt động đúng theo quy định của Nghị quyết, Điều lệ đã đề ra trong từng năm học, trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Hằng năm, các hoạt động của các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá kịp thời để chỉ đạo đội ngũ thực hiện đúng theo Nghị quyết, kế hoạch đã đề ra. Qua đó có kiến nghị, đề xuất và phối hợp với các cơ quan Nhà nước, các

đoàn thể và các tổ chức kinh tế - xã hội giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác tại đơn vị theo quy trình dân chủ, công khai, đúng nguyên tắc [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

Trường Mầm non 2/9 có Tổ chức Đảng trực thuộc Đảng ủy xã Thới Tam Thôn với cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam. Bí thư Chi bộ là Hiệu trưởng nhà trường, Chi bộ có 20 đảng viên, Chi ủy gồm có 01 bí thư và 01 phó bí thư, 01 chi ủy viên thuận lợi cho việc sinh hoạt Chi bộ và tổ chức các hoạt động sinh hoạt thường lệ mỗi tháng một lần. Chi bộ nhà trường luôn chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xây dựng Chi bộ, lãnh đạo chính quyền trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; lãnh đạo đơn vị thực hiện nhiệm vụ giáo dục, quản lý và phân công công tác cho đảng viên; làm công tác vận động quần chúng và công tác phát triển đảng viên; thu, nộp đảng phí đúng quy định. Năm 2017 Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh; năm 2018 hoàn thành tốt nhiệm vụ và từ năm 2019 đến 2021 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3.05].

Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường cũng như của địa phương. Công đoàn tích cực đề ra phương hướng nhiệm vụ hoạt động của công đoàn; chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị; tuyên truyền, vận động người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật. Chi đoàn trường tích cực chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích của đoàn viên; tổ chức các hoạt động, tạo môi trường giáo dục, rèn luyện đoàn viên nhằm góp phần thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị; phối hợp với chính quyền, các đoàn thể làm tốt công tác thanh niên, chăm lo xây dựng tổ chức Đoàn ở đơn vị. Hằng năm, Hội chữ thập đỏ đóng góp theo kế hoạch vận động của Hội chữ thập đỏ huyện Hóc Môn, hội viên tích cực trong công tác hiến máu nhân đạo. Hội khuyến học nhà trường phối hợp cùng địa phương hoàn thành tốt nhiệm vụ hoạt động của mình. Hội khuyến học và hội chữ thập đỏ tổ chức các hoạt động chưa phong phú, chưa tranh thủ sự ủng hộ về vật chất của tổ chức ngoài nhà trường để phát triển đơn vị [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 3:

Năm 2017 Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, năm 2018 đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2019 đến năm 2021 Chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Bên cạnh đó, 03 đảng viên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021; Đảng bộ xã Thới Tam Thôn; Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn khen tặng chi bộ và 02 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong việc thực hiện dân vận khéo là đơn vị điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh [H1-1.3-05].

Các đoàn thể, tổ chức khác trong những năm học qua đã đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng được các cấp lãnh đạo công nhận và khen tặng [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

2. Điểm mạnh

Trường có tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam là Chi bộ và các tổ chức đoàn thể Công đoàn và Chi đoàn hoạt động tích cực, luôn tạo được sự uy tín, sự tin nhiệm trong tập thể nhà trường và cấp trên.

3. Điểm yếu

Hội khuyến học, Hội chữ thập đỏ tổ chức các hoạt động chưa phong phú, chưa tranh thủ sự ủng hộ về vật chất của tổ chức ngoài nhà trường để phát triển đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo nhà trường sẽ duy trì cơ cấu tổ chức hoạt động theo qui định trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng cộng sản Việt Nam, tiếp tục giữ vững các danh hiệu trong tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường. Hiệu trưởng sẽ phối hợp với hội khuyến học, hội chữ thập đỏ tổ chức nhiều phong trào thiết thực hơn cho cộng đồng: chăm lo cho học sinh nghèo, khó khăn ở trường; thực hiện công tác xã hội vận động đoàn viên để có kinh phí đến thăm và tặng quà các Mẹ Việt nam anh hùng, gia đình thương binh, liệt sĩ tại địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng****Mức 1:**

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non 2/9 được Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn công nhận trường hạng I với cơ cấu một Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng và 01 phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục [H1-1.4-01].

Hàng năm, Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập 05 tổ chuyên môn (tổ nhà trẻ; tổ 3-4 tuổi; tổ 4-5 tuổi; tổ 5-6 tuổi; tổ cấp dưỡng) và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn có 47 người: 40 giáo viên và 06 nhân viên cấp dưỡng, trong đó có 05 tổ trưởng, 04 tổ phó; Tổ văn phòng gồm 10 người trong đó có: 01 văn thư, 01 thủ quỹ, 01 y tế, 01 kế toán, 03 bảo vệ, 03 phục vụ. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức đúng theo quy định tại Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường mầm non. [H1-1.4-02]

Hàng năm, tổ chuyên môn, tổ văn phòng có xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng hiệu quả trong công tác của đội ngũ; giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ, sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện nhiệm vụ theo quy định: Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đồng thời đề xuất khen thưởng cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt công việc được phân công [H1-1.4-03].

Mức 2:

Năm học 2018-2019 tổ chuyên môn tiếp tục thực hiện chuyên đề “ Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong trường mầm non” và “ Nâng cao hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong trường mầm non”; theo sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục thực hiện chuyên đề “ Tổ chức cho trẻ làm quen ngoại ngữ”. Năm học 2019-2020 thực hiện chuyên đề cấp

huyện: “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ” cho các trường trong huyện dự và tổ chức 5 chuyên đề cấp trường: Chuyên đề “Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội”, chuyên đề “Nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ”; Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, chuyên đề “Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ”, chuyên đề “Xây dựng môi trường thân thiện trong trường mầm non”. Năm học 2020-2021 Tổ chức 5 chuyên đề cấp trường: Chuyên đề “Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ”, chuyên đề “Nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục làm quen chữ viết”, Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, chuyên đề “Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ”, chuyên đề “Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ trong trường mầm non”. Năm học 2021-2022 thực hiện các chuyên đề “Nâng cao chất lượng hoạt động làm quen chữ viết, chuyên đề “Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ”, chuyên đề “Xây dựng môi trường hoạt động trong lớp đạt hiệu quả”, chuyên đề “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ”, chuyên đề “Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động âm nhạc”, chuyên đề: “Công tác truyền thông các nhóm lớp” [H1-1.4-04].

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức họp định hai lần trong tháng đúng theo quy định. Qua các buổi họp tổ chuyên môn và tổ văn phòng luôn rà soát đánh giá, điều chỉnh các hoạt động trong tổ cho phù hợp với tình hình thực tế: Điều chỉnh bổ sung hoạt động khi có sự thay đổi từ Phòng Giáo dục và Đào tạo; cán bộ quản lý nhà trường, bổ sung nội dung dự giờ chuyên môn khi tổ viên chưa nắm vững phương pháp thực hiện... đem lại hiệu quả trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, nội dung họp của tổ văn phòng chưa cụ thể và chưa xoáy vào trọng tâm [H1-1.4-03].

Mức 3:

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt định kỳ: nội dung sinh hoạt của tổ, nhóm chuyên môn phong phú, đa dạng giúp kỹ năng sư phạm của giáo viên được nâng lên. Qua các buổi họp của tổ chuyên môn và tổ văn phòng, các thành viên trong tổ đưa ra các biện pháp trong việc thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, nhân viên tổ văn phòng ít đưa ra các ý kiến đề xuất trong buổi họp nhằm đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-03].

Các tổ chuyên môn luôn tích cực thực hiện các chuyên đề được giao theo kế hoạch của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị, được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện đánh giá cao và được chọn lên các chuyên đề cấp huyện để đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường trong huyện tham gia học tập, chia sẻ kinh nghiệm lẫn nhau [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Trường có Hiệu trưởng, hai Phó Hiệu trưởng theo quy định. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức, sinh hoạt định kỳ, rà soát đánh giá, điều chỉnh các hoạt động của tổ theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động, thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định, đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường cũng như góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị.

3. Điểm yếu

Còn một số thành viên trong tổ văn phòng chưa đưa ra các ý kiến đề xuất trong buổi họp nhằm đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo, nhà trường duy trì cơ cấu tổ chức các tổ chuyên môn và phát huy tốt vai trò của hoạt động tổ. Động viên các thành viên trong tổ mạnh dạn đề xuất ý kiến, các biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, đổi mới hình thức tổ chức sinh hoạt tổ để các thành viên trong tổ có nhiều cơ hội, điều kiện đóng góp xây dựng ý kiến cho hoạt động của tổ sôi nổi và đạt hiệu quả cao hơn. Đề xuất với Hội đồng thi đua khen thưởng tuyên dương các cá nhân, các tổ thực hiện tốt chuyên đề.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

- b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*
- c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.*

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

- b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*
- c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.*

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2021-2022 trường có 03 nhóm nhà trẻ và 17 lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi đúng theo quy định: 01 nhóm 19-24 tháng tuổi, 02 nhóm 25-36 tháng tuổi, 05 lớp 3-4 tuổi; 06 lớp 4-5 tuổi; 06 lớp 5-6 tuổi. Nhà trường không có trẻ học lớp ghép [H1-1.5-01].

Trường có 580/580 trẻ đạt tỷ lệ 100% trẻ ở nhóm nhà trẻ, lớp mẫu giáo, đạt tỷ lệ 100% học hai buổi/ngày theo quy định tại Điều lệ trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H1-1.5-01].

Trường không có trẻ khuyết tật học hoà nhập.

Mức 2:

Trong năm học 2021-2022, nhà trường nhận trẻ đúng theo Kế hoạch số 2355 /KH-UBND-GDDT ngày 30/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc tuyển sinh năm học 2021-2022. Trường đảm bảo 581/581 trẻ, tỷ lệ 100% trẻ được phân chia vào nhóm, lớp phù hợp theo độ tuổi [H1-1.5-01].

Nhóm/lớp	Số lượng nhóm/ lớp	Số lượng trẻ
Nhóm trẻ 19-24 tháng tuổi	01 nhóm	17 trẻ/ 1 nhóm
Nhóm trẻ 25-36 tháng tuổi	02 nhóm	23 trẻ/ 1 nhóm
Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	05 lớp	25 trẻ/ 1 lớp
Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	06 lớp	31 trẻ/ 1 lớp
Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	06 lớp	33 trẻ/ 1 lớp

Mức 3:

Năm học 2021-2022 nhà trường có 20 nhóm lớp trong đó: 03 nhóm nhà trẻ và 17 lớp mẫu giáo không quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định [H1-1.5-01]

2. Điểm mạnh

Trường có các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học hai buổi trên ngày. Trường không có trẻ bị khuyết tật học hòa nhập. Nhà trường có số nhóm lớp đảm bảo không vượt quá 20 nhóm lớp theo quy định.

3. Điểm yếu

Chưa có mở được nhóm 13-18 tháng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 6/2023- Hiệu trưởng sẽ tiếp tục duy trì phân chia các nhóm, lớp đúng theo độ tuổi theo qui định đồng thời tham mưu với các cấp lãnh đạo tăng cường điều kiện cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho nhóm 13-18 tháng, để nhà trường mở thêm nhóm 13-18 tháng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định của Luật văn thư lưu trữ số: 01/2011/QH13 của Quốc hội ngày 11 tháng 11 năm 2011. Hồ sơ luôn đáp ứng các tiêu chuẩn về dữ liệu thông tin đầu vào, bảo đảm tính kế thừa, tính thống nhất, độ xác thực, an toàn và khả năng truy cập; được bảo quản và sử dụng theo phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ không để xảy ra tình trạng mất mát, thất lạc hồ sơ [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02].

Trong những năm học qua, nhà trường có lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Quốc hội; Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003. Hằng năm, nhà trường có thực hiện công khai về tình hình tài chính, chế độ thu chi của nhà trường thông qua các cuộc họp hội đồng, họp phụ huynh,

bảng thông tin nhà trường đến toàn thể đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phụ huynh. Trong quá trình kiểm tra, nếu có vấn đề phát sinh, bộ phận kế toán trình hiệu trưởng, đề điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp và chính xác theo quy định [H1-1.6-03].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục: Thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành như lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; kiểm kê tài sản hàng năm, kê khai tăng giảm tài sản trong sổ sách, lên kế hoạch từng bước trang bị, mua sắm trang thiết bị trong danh mục và ngoài danh mục để bổ sung trang thiết bị kịp thời nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04].

Mức 2:

Nhà trường luôn ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường: Sử dụng phần mềm Imas để quản lý tài, biên bản kiểm kê tài sản chính [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06].

Trong 5 năm qua nhà trường luôn được Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Hóc Môn kiểm tra về việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản kết quả kiểm tra cho thấy nhà trường không có dấu hiệu vi phạm trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-03]; [H1-1.6-06].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Kế hoạch luôn phản ánh đầy đủ các chi tiết của các nguồn thu, mức thu phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao, chế độ tài chính theo quy định. Nhà trường chỉ có kế hoạch ngắn hạn chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp và phù hợp [H1-1.6-03]; [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định có đầy đủ văn bản đi đến thực hiện đầy đủ việc. Trường có lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và lập dự toán, thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản, công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Chưa có kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì việc thực hiện đầy đủ hồ sơ, lưu trữ, các chế độ báo cáo, công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính, tài sản. Tháng 5/2023, cán bộ quản lý nhà trường cùng các hội đồng, tổ chức công đoàn triệu tập buổi họp để thảo luận và xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên nhằm nâng cao tay nghề, nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch trong từng năm học. Tổ chức hướng dẫn cho giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục từng năm học; tổ chức thao giảng các giờ học, giờ chơi, tổ chức bữa ăn, tổ chức chăm sóc nuôi dưỡng trẻ tổ chức cho đội ngũ tham gia học tập bồi dưỡng thường xuyên. Cán bộ giáo viên nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng do Sở Giáo dục và Đào tạo, phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức [H1-1.7-01]; [H1-1.4-04]; [H1-1.7-02].

Hiệu trưởng có phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý theo năng lực, hoàn cảnh, sức khỏe để đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-01]; [H1-1.4-05].

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường luôn được trang bị đồ dùng, đồ chơi, các trang thiết bị đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Được hỗ trợ kinh phí khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ do cấp trên tổ chức. Được tổ chức tham quan nghỉ dưỡng vào dịp hè, được khám sức khỏe một lần trong một năm theo chế độ, chính sách quy định. Được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, được phát biểu, đóng góp ý kiến, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường...]; được hưởng phụ cấp chế độ theo Nghị quyết 113/2016/NQ-HĐND, Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐND, Nghị quyết 03/2018/ NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành Phố. Tuy nhiên chưa thực hiện được Nghị quyết 04/2017/ NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành Phố, hiện nay nhà trường không có nhân viên nuôi dưỡng. [H1-1.3-01]; [H1-1.6-03]; [H1-1.7-03].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường có các biện pháp về: đổi mới phương pháp trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý theo hướng tích cực; phát huy tính tự giác, sáng tạo, tích cực học tập của đội ngũ; đổi mới phương pháp trên cơ sở sử dụng và khai thác khả năng các phương tiện, thiết bị dạy học; đổi mới cách thức kiểm tra đánh giá trong đào tạo, bồi dưỡng... để xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Tuy nhiên, nhà trường chưa có biện pháp để phát huy tính độc lập đối với giáo viên mới ra trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên nhằm nâng cao tay nghề chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ để nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Hiệu trưởng có phân công sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý đúng người, đúng việc, phù hợp năng lực chuyên môn, sở trường công tác mang lại hiệu quả hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định Điều lệ trường mầm non, Nghị quyết hiện hành; nhà trường có biện pháp đổi mới trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá đem lại hiệu quả trong công tác xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có biện pháp để phát huy tính sáng tạo đối với giáo viên mới ra trường.

Chưa thực hiện được Nghị quyết 04/2017/ NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành Phố, nhà trường cũng đã thông báo nhưng không có ai đến liên hệ để ký hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo kế hoạch đã đề ra đầu năm học. Thường xuyên quan tâm nắm bắt kịp thời năng lực chuyên môn của đội ngũ để phân công sử dụng nhân sự đúng người đúng việc, phù hợp năng lực chuyên môn, sở trường công tác để đảm bảo hiệu quả hoạt động chăm sóc và giáo dục của nhà trường. Tổ chức cho giáo viên trẻ mới ra trường

tham gia các phong trào thi đua, các hội thi, các hoạt động tập thể; xây dựng các trò chơi... để tập cho giáo viên tính độc lập phát huy tổ chất năng lực của cá nhân.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 1 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non; nhà trường căn cứ vào tình hình cơ sở vật chất, nguồn lực, đặc điểm tâm sinh lý của học sinh để xây dựng kế hoạch giáo dục cho phù

hợp tình hình đơn vị. Giáo viên có xây dựng kế hoạch giáo dục các khối lớp phù hợp với Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường theo từng độ tuổi[H1-1.7-02]; [H1-1.8-01].

100% giáo viên các nhóm, lớp thực hiện đầy đủ kế hoạch hoạt động giáo dục theo từng lứa tuổi và thực hiện trên phần mềm Mindjet-Mind Manager như: kế hoạch năm, kế hoạch tháng, kế hoạch tuần, kế hoạch ngày. Các nội dung trong kế hoạch tổ chức hoạt động cho trẻ có sự thống nhất, đầy đủ, xuyên suốt trong quá trình thực hiện nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện. Tuy nhiên, các giáo viên mới chưa có kinh nghiệm về xây dựng kế hoạch giáo dục năm, tháng, tuần và còn hạn chế về việc xác định các hoạt động dạy phù hợp với mục đích yêu cầu đề ra [H1-1.8-01].

Kế hoạch giáo dục của nhà trường và các lớp được phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục và tổ trưởng chuyên môn kiểm tra, nhận xét, đánh giá định kỳ để giáo viên kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả trong công tác chăm sóc giáo dục. Hằng tuần, giáo viên nộp kế hoạch giáo dục lớp cho phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục kiểm tra đánh giá trên mạng nội bộ nhà trường nhằm giúp giáo viên có sự điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp tình hình thực tế tại lớp. Hằng năm nhà trường tiến hành kiểm tra thực tế kỹ năng của trẻ ở các lớp để điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường, lớp cho phù hợp với thực tế giúp trẻ hoàn chỉnh kỹ năng độ tuổi [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Công tác kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường bằng các biện pháp chỉ đạo như: hằng tháng, ban kiểm tra nội bộ của nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em thông qua việc dự giờ giáo viên. Việc thăm lớp, dự giờ, kiểm tra có kế hoạch báo trước và đột xuất để đánh giá giáo viên nâng cao hiệu quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị. Năm học 2022-2023 nhà trường có 13/40 giáo viên – tỉ lệ 32.5% đạt giáo viên giỏi cấp huyện[H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. 100% giáo viên các nhóm, lớp thực hiện đầy đủ kế hoạch hoạt động giáo dục theo từng lứa tuổi và thực hiện trên phần mềm Mindjet-

Mind Manager như: kế hoạch năm, kế hoạch tháng, kế hoạch tuần, kế hoạch ngày. Kế hoạch giáo dục của nhà trường và các lớp được phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục và tổ trưởng chuyên môn kiểm tra, nhận xét, đánh giá định kỳ để giáo viên kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch phù hợp mang lại hiệu quả trong công tác chăm sóc giáo dục.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên mới chưa có kinh nghiệm về xây dựng kế hoạch giáo dục năm, tháng, tuần và còn hạn chế về việc xác định các hoạt động dạy phù hợp với mục đích yêu cầu đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục chỉ đạo đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên để nâng cao hiệu quả việc xây dựng kế hoạch và thiết kế các hoạt động giáo dục phù hợp mục đích yêu cầu đề ra.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trực tiếp, hoặc thông qua người đại diện Công đoàn để xây dựng kế hoạch hàng năm; chủ trương, giải pháp thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của đơn vị. Được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về nội quy lễ lối làm việc, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu. Được tham gia xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, các chế độ chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức; tham gia góp ý kiến cho các phong trào thi đua trong năm học đúng theo quy định tại Nghị định 04/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 01 năm 2015 về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập [H1-1.3-01]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

Hằng tháng, Hiệu trưởng có thực hiện việc đối thoại trực tiếp hoặc thông qua các buổi sinh hoạt, các buổi họp hội đồng để tiếp nhận những phản ánh, tố cáo, khiếu nại, kiến nghị của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường về việc thực hiện Quy chế dân chủ. Tuy nhiên, nhà trường vẫn còn một số giáo viên, nhân viên trong các buổi họp còn ngại tham gia thảo luận đóng góp ý kiến. Trong những năm qua nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo trong nội bộ nhà trường [H1-1.7-03]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-03].

Hằng năm, nhà trường thực hiện chế độ báo cáo quy chế dân chủ của cơ sở chính xác, đúng quy định, đúng thời gian đến Đảng ủy xã Thới Tam Thôn, Phòng Giáo dục và

Đào tạo. Hiệu trưởng thực hiện báo cáo Quy chế dân chủ đến đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thông qua trong Hội nghị cán bộ, công nhân, viên chức và người lao động đúng theo quy định [H1-1.9-01]; [H1-1.9-03].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường luôn được công khai minh bạch tại các hội nghị, thông qua các buổi họp, niêm yết tại bảng tin của công đoàn, bảng tin trường. Nhà trường thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát với các cá nhân, tổ khối... bằng các hình thức gián tiếp, trực tiếp, qua đó giúp nhà trường đánh giá đúng tình hình triển khai, thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nhận ra những mặt đạt được, những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm, những mô hình hay, cách làm tốt để nhân rộng, đem lại hiệu quả cao trong việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường. Hằng năm nhà trường đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời báo cáo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu về thực hiện Quy chế dân chủ hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong đơn vị, phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng trong trường học về việc thực hiện các hoạt động của nhà trường. Các hoạt động của nhà trường được thực hiện minh bạch, công khai đúng theo các quy chế, quy định, nội quy đã bàn bạc, thống nhất nên không có trường hợp khiếu nại, tố cáo xảy ra trong đơn vị.

3. Điểm yếu

Trong nhà trường vẫn còn một số giáo viên, nhân viên trong các buổi họp còn ngại tham gia thảo luận đóng góp ý kiến.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo công khai, minh bạch về chất lượng giáo dục, công tác thu chi tài chính. Bên cạnh đó chủ động tạo điều kiện giúp giáo viên, nhân viên mạnh dạn hơn

khuyến khích các bộ phận tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội qui, qui định, qui chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống

thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có phương án và quy chế phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn về việc đảm bảo an ninh trật tự an toàn trường học; phương án đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; có phối hợp với Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy huyện Hóc Môn xây dựng phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ tại đơn vị; nhà trường có phương án và quy chế phối hợp với trạm y tế xã Thới Tam Thôn để thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh tại đơn vị; có phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường, có phương án về an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai. Trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02].

Đảm bảo an toàn trong trường học, nhà trường lắp đặt hộp thư góp ý, có số điện thoại trường, phân công bảo vệ đảm bảo ca trực, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [H1-1.1-03].

Nhà trường có xây dựng các chuẩn mực đạo đức nhà giáo văn hoá ứng xử và được quán triệt đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nên không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-03].

Mức 2:

Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ luôn được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích an toàn phòng, chống cháy nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Nhà trường chưa tổ chức cho đội ngũ được tập huấn hướng dẫn thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai. [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.6.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng và triển khai các phương án và tập huấn cho đội ngũ các kế hoạch thực hiện: đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đảm bảo an toàn trong trường học không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tổ chức cho đội ngũ được tập huấn hướng dẫn thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; đảm bảo vệ sinh an toàn thực; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; tổ chức bữa ăn cho trẻ đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Tiếp nhận, kịp thời xử lý tốt các thông tin phản ánh của người dân để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên và học sinh. Hiệu trưởng có kế hoạch trích kinh phí từ nguồn thu của trường mời báo cáo viên về trường phổ biến tập huấn và thực hiện an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai cho đội ngũ. Sau buổi tập huấn, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch lộ trình để thực hiện hiệu quả trong công tác đảm bảo an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh:

Trường Mầm non 2/9 huyện Hóc Môn thực hiện tốt phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, các kế hoạch, phương án đề ra trong năm học. Bộ máy tổ chức nhà trường hoạt động hiệu quả; công tác kiểm tra rà soát đánh giá; công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản, tài chính; công tác quản lý hoạt động giáo dục; việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở luôn đảm bảo. Nhà trường thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, đảm bảo an toàn về sức khỏe, tinh thần cho trẻ và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại đơn vị.

Điểm yếu:

Chưa mở được nhóm trẻ 13-18 tháng

Cha mẹ học sinh, cộng đồng chưa tham gia tích cực xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

Chưa trang bị đầy đủ máy vi tính để giáo viên soạn giảng ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, tình hình thực tế tại địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ

Mở đầu:

Mở đầu:

Trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ số lượng và đạt yêu cầu về trình độ quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, có phẩm chất đạo đức, lối sống, có năng lực trong công tác quản lý và giảng dạy để triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ tại trường, đáp ứng các yêu cầu đổi mới hiện nay của ngành học.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng có thời gian công tác 35 năm, trong đó có 30 năm làm công tác quản lý, trình độ Cử nhân tâm lý giáo dục; chứng chỉ bồi dưỡng hiệu trưởng trường mầm non, trình độ trung cấp lý luận chính trị. Nhà trường có 02 phó hiệu trưởng: 01 phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác trong ngành giáo dục từ năm 2002 đến nay, trình độ chuyên môn Đại học sư phạm mầm non, chứng chỉ bồi dưỡng hiệu trưởng trường mầm non, có trình độ trung cấp lý luận chính trị; 01 phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục, thời gian công tác từ năm 1999, tốt nghiệp Đại học sư phạm mầm non, có chứng chỉ bồi dưỡng hiệu trưởng trường mầm non, trình độ trung cấp lý luận chính trị. [H1-1.4-01].

Hằng năm, Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng đều được nhận xét, góp ý, đánh giá xếp loại xuất sắc theo chuẩn Hiệu trưởng và Chuẩn phó Hiệu trưởng trường mầm non theo quy định [H2-2.1-01].

Cán bộ quản lý nhà trường đã qua lớp đào tạo quản lý trường mầm non, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng có giấy chứng nhận lớp bồi dưỡng chuyên viên. Hiệu trưởng được bồi dưỡng lớp đầu thầu... [H1-1.6-01].

Mức 2:

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại khá trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng và Chuẩn phó hiệu trưởng trường mầm non theo quy định [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng đã có giấy chứng nhận Trung cấp lý luận chính trị hành chính. Cán bộ quản lý được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H1-1.6-01].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại khá trở lên theo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Có 03/03 -tỷ lệ 100% Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường được đánh giá xếp loại khá theo Chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non, có năng lực kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, được sự tín nhiệm cao từ tập thể và phụ huynh.

Có 02 phó hiệu trưởng đang theo học lớp cao học quản lý giáo dục

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng trình độ tin học A, 2 phó Hiệu trưởng tin học cơ bản

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tham gia lớp học bồi dưỡng tin học để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của ngành học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn

nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

****. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường được Ủy ban nhân dân Huyện giao định mức 45 giáo viên trong năm 2022, nhưng thực tế trường chỉ có 40 giáo viên được tuyển dụng. Để đảm bảo đủ số lượng, đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 12 tháng 7 năm 2017 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, nhà trường đã hợp đồng thêm 01 giáo viên và để phân bổ hợp lý 2.2 giáo viên đối với lớp mẫu giáo; 2.5 giáo viên đối với lớp nhà trẻ; để đảm bảo cho đội ngũ thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.4-05]; [H2-2.2-01].

100% giáo viên trong đơn vị đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định Điều lệ trường mầm non: Có 33/40 giáo viên trình độ Đại học Sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 82,5%, 06/40 giáo viên trình độ Cao đẳng Sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 15,0%, 01 /40 giáo viên trình độ Trung cấp Sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 2,5% [H2-2.2-02].

Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H2-2.2-03].

Mức 2:

Trình độ đào tạo đạt trên chuẩn của giáo viên đến thời điểm hiện tại có 39/40 giáo viên đạt tỉ lệ 97,5 %, trong đó có 33/40 giáo viên trình độ Đại học sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 82,5%; 06/40 giáo viên trình độ Cao đẳng sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 15,0%, được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình bồi dưỡng [H2-2.2-01].

Nhà trường đều tổ chức đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư 17/ 2011/TT- BGDDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả như sau:

-Năm học 2018-2019 có 34/34 giáo viên, tỷ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp (trong đó có 09/34 giáo viên đạt khá, tỷ lệ 26.4%, 25/34 giáo viên đạt: tỷ lệ 73.6%).

- Năm học 2019-2020 có 42/42 giáo viên, tỷ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp (trong đó : Xếp loại Tốt: 1 Gv- tỉ lệ: 2.38%, Xếp loại Khá: 21 Gv - 50% , Xếp loại đạt: 20 Gv- 47.6%).

Năm học 2020-2021 có 43/43 giáo viên, tỷ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên (trong đó: Xếp loại Tốt : 1/43- tỉ lệ: 2.32%, Xếp loại Khá: 38/43- tỉ lệ: 88.37%, Xếp loại Đạt: 4/43- 9.3%)

Năm học 2021-2022 có 39/39 giáo viên, tỷ lệ 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên (trong đó: Xếp loại Tốt : 12/39- tỉ lệ: 33.77%, Xếp loại Khá: 25/39- tỉ lệ: 64.1%, Xếp loại Đạt: 2/39- 5.12%) [H2-2.2-03].

Tập thể giáo viên nhà trường luôn cố gắng thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của ngành, của đơn vị và nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-04].

Mức 3:

Năm học 2022-2023 trường có giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo 33/40 giáo viên trình độ Đại học Sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 82,5%, 06/40 giáo viên trình độ Cao đẳng Sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 15,0%, 01 /40 giáo viên trình độ Trung cấp Sư phạm mầm non đạt tỷ lệ 2,5% [H2-2.2-02]; [H2-2.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đảm bảo về số lượng và cơ cấu hợp lý để thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Trình độ giáo viên trong trường luôn duy trì và đạt tỷ lệ 80% trình độ trên chuẩn. Đội ngũ giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm đạt kết quả cao, luôn được phụ huynh tin yêu và không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Hiện tại nhà trường có 01 giáo viên diện hợp đồng.

01 giáo viên trình độ trung cấp sư phạm mầm non (Đã học xong liên thông Đại học chờ cấp bằng)

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023, nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch nâng chuẩn, tạo điều kiện thời gian cho 01 giáo viên trình độ trung cấp học nâng chuẩn học lớp Đại học Sư phạm mầm non, 02 giáo viên đang học lớp Trung cấp chính trị. Vận động giáo viên tham gia học nâng cao trình độ ngoại ngữ

Để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2022-2023 hiệu trưởng lên kế hoạch đề xuất thêm biên chế giáo viên cho đơn vị để bảo đảm yêu cầu chăm sóc giáo dục. Hỗ trợ 01 giáo viên hợp đồng về kinh phí, bồi dưỡng kỹ năng để có thêm kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, động viên đăng ký tham gia thi tuyển dụng tại đơn vị để giáo viên hợp đồng yên tâm trong công tác.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

****. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có 15 nhân viên: 01 kế toán toán , 01 y tế , 01 thủ quỹ, 01 Văn thư, 06 nhân viên cấp dưỡng, 03 nhân viên bảo vệ, 02 nhân viên phục vụ do hiệu trưởng phân công và đảm bảo đúng định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 [H2-2.2-04]; [H1-1.4-05].

Vào đầu năm học, hiệu trưởng có phân công công việc cho nhân viên phù hợp với chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.4-05]; [H2-2.2-04].

Hằng năm, nhân viên nhà trường đều hoàn thành các nhiệm vụ và được đánh giá xếp loại theo tháng, học kỳ. Cuối năm học nhà trường có đánh giá xếp loại viên chức không trực tiếp giảng dạy, 100% nhân viên đều đạt từ khá trở lên [H2-2.3-01].

Mức 2:

Trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định thực hiện có hiệu quả các công việc của nhà trường [H2-2.2-04]; [H2-2.3-02].

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhân viên trong nhà trường có trình độ đào tạo ứng với vị trí việc làm: 01 nhân viên kế toán có bằng đại học kế toán, 01 nhân viên y tế có bằng trung cấp y tá, , 01 nhân viên thủ quỹ có bằng đại học kế toán, 01 Văn thư có bằng đại học kế toán (kèm chứng chỉ nghiệp vụ văn thư), 06 nhân viên cấp dưỡng có bằng sơ cấp nấu ăn, 2 nhân viên phục vụ và 3 bảo vệ đã có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông, 01 nhân viên bảo vệ chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ [H2-2.2-04]; [H2-2.3-02].

Hàng năm, bộ phận nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm như: Tập huấn công tác văn thư lưu trữ, tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm, tập huấn sơ cấp cứu, tập huấn mắt học đường, tập huấn truyền thông giáo dục sức khỏe [H2-2.2-04]; [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm của nhà trường được phân công đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

3. Điểm yếu

Còn 01 /40 - tỷ lệ 2.5% giáo viên đạt trình độ trung cấp, 06 nhân viên cấp dưỡng chưa có bằng Trung cấp nấu ăn, 1 bảo vệ chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023, nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho nhân viên cấp dưỡng ,bảo vệ tham gia học bồi dưỡng chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh:

Hiệu trưởng, hai phó hiệu trưởng và giáo viên được cơ cấu đủ số lượng, đảm bảo thực hiện tốt việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Hằng năm được đánh giá Chuẩn nghề nghiệp từ loại khá trở lên.

Đội ngũ giáo viên và nhân viên được phân công kiêm nhiệm đúng chuyên môn và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chức trách được giao theo quy định.

Điểm yếu:

Còn 01 /40 - tỷ lệ 2.5% giáo viên đạt trình độ trung cấp, 06 nhân viên cấp dưỡng chưa có bằng Trung cấp nấu ăn.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mở đầu:

Nhà trường có diện tích khuôn viên, sân trường; các lớp học dành nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, phòng chức năng; khối phòng hành chính quản trị; khu vực nhà bếp; khu nhà vệ sinh cho trẻ, khu nhà vệ sinh cho đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên, hệ thống cấp thoát nước đảm bảo diện tích và quy cách xây dựng theo quy định. Cơ sở vật chất luôn được đầu tư bổ sung theo quy định, phù hợp theo xu hướng hiện đại và nhu cầu phát triển của xã hội, quang cảnh sư phạm xanh - sạch - đẹp cách biệt với khu vực bên ngoài đảm bảo an toàn cho trẻ và giúp trẻ tích cực tham gia các hoạt động học tập, vui chơi phát triển kỹ năng nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non 2/9, có diện tích khuôn viên trường là 9.640,9m², đảm bảo bình quân 12m²/1 trẻ đáp ứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 [H3-3.1-01].

Trường có cổng biển tên trường đảm bảo qui định của Điều lệ trường mầm non. Trường có tường gạch kiên cố bao quanh toàn bộ khuôn viên nhà trường, đảm bảo về tài sản và an toàn cho trẻ. Hằng ngày, khuôn viên trường luôn được vệ sinh sạch sẽ, các mảng xanh trong trường luôn được chăm sóc, bố trí cảnh quan hợp lý tạo mảng không gian thoáng đãng, hài hòa, thân thiện và an toàn cho trẻ khi tham gia hoạt động [H3-3.1-02].

Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp với diện tích đảm bảo 0,5m²/1 trẻ và thuận tiện cho giáo viên tổ chức cho trẻ hoạt động vui chơi, tổ chức cho trẻ ăn uống. Bên cạnh đó, nhà trường có 04 khu vực sân chơi: Khu dành cho trẻ chơi cát, nước, trò chơi dân gian; sân chơi dành cho trẻ nhà trẻ; 02 sân chơi vận động. Ngoài ra, nhà trường có khu

vực vườn rau tạo điều kiện cho trẻ tham gia học tập khám phá thiên nhiên [H3-3.1-03]. Trường có cây xanh tạo bóng mát cho sân trường, nhưng ở sân chơi giữa chưa có nhiều cây xanh để tạo bóng mát cho trẻ khi tham gia hoạt động và khu vực sân chơi cho trẻ nhà trẻ chưa có mái hiên.

Mức 2:

Trường Mầm non 2/9 có công trình xây dựng là 2.604,5 m², diện tích sân chơi 1.283,36 m², và lối đi nội bộ đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907: 2011 [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Khuôn viên trường có tường gạch kiên cố với chiều cao 2,2m bao quanh toàn bộ khuôn viên nhà trường, đảm bảo ngăn cách với các khu vực bên ngoài. Có khu sân chơi dành riêng cho nhà trẻ gần sát khu vực lớp học; khu sân chơi dành cho trẻ mẫu giáo; khu sân chơi vận động... Các khu vực sân chơi được bố trí phù hợp, có ánh nắng tự nhiên và có nhiều bóng mát từ cây xanh trong trường giúp trẻ được hoạt động thuận lợi. Sân trường có nhiều cây xanh được bộ phận bảo vệ chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên tạo vẻ mỹ quan cho sân trường. Nhà trường có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, được trồng nhiều loại cây, loại rau, loại hoa tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-03].

Khu vực trẻ chơi ngoài trời được bố trí nhiều thiết bị, đồ chơi cho trẻ, được lát gạch, phủ thảm cỏ đảm bảo an toàn cho trẻ khi tham gia hoạt động vui chơi. Các thiết bị, đồ chơi ngoài trời đa dạng về kích thước, đa dạng về cách chơi và được bố trí phù hợp với lứa tuổi. Các khu vực chơi đều được ngăn cách an toàn với khu để xe của giáo viên nhân viên, khu vực nhà bếp. Khu vực sân vườn, được nhân viên vệ sinh hàng tuần nhằm đảm bảo sạch sẽ và an toàn cho trẻ hoạt động vui chơi ngoài trời [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có bố trí khu vực riêng để cho trẻ thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành: Cầu thăng bằng, bộ đồ chơi liên hoàn, cổng chui, thang leo, bóng nhún, xích đu treo, cầu thăng bằng cố định, cầu thăng bằng di động, cột ném bóng, khung thành, xe đạp chân... ngoài ra nhà trường còn bổ sung thêm các thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế để tăng cường cho trẻ vận động. Tất cả các đồ chơi luôn được nhà

trường kiểm tra thường xuyên, sửa chữa và loại bỏ những vật dụng, đồ chơi không an toàn cho trẻ trong quá trình chơi [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có bảng tên trường và tường rào bao quanh ngăn cách đảm bảo an toàn cho trẻ và an ninh trong trường học. Diện tích đất, diện tích xây dựng, cây xanh, diện tích sân chơi, hiên chơi trong nhà trường đảm bảo cho trẻ tự do vui chơi học tập. Các sân chơi được bố trí thành nhiều khu vực với nhiều đồ chơi, cây xanh tạo cảnh quan đẹp và phù hợp với các hoạt động của trẻ theo độ tuổi. Khu vực sân chơi, cây xanh giúp trẻ tăng cường vận động với đầy đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục và ngoài danh mục quy định, được nhà trường kiểm tra, chăm sóc và vệ sinh thường xuyên đáp ứng nhu cầu vui chơi, các hoạt động trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Sân chơi còn nắng thiếu bóng mát

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 nhà trường tiếp tục duy trì bảng tên trường, tường rào bao quanh ngăn cách đảm bảo an toàn cho trẻ và an ninh trong trường học. Hiệu trưởng lên kế hoạch phối hợp với Ban đại diện cha mẹ trẻ em vận động làm mái che cho khu vực sân giữa để tạo bóng mát cho trẻ chơi, đồng thời chọn vị trí phù hợp trồng thêm cây xanh theo quy định để nhiều năm sau khu vực này có bóng mát cho trẻ vui chơi

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 20 phòng học được bố trí 20 nhóm, lớp theo đúng độ tuổi: 03 nhóm nhà trẻ (01 nhóm 19-24 tháng, 02 nhóm 25-36 tháng) và 17 lớp mẫu giáo (05 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 06 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi, 06 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi) [H3-3.2-01]

Trường có 20 phòng sinh hoạt chung dùng để làm nơi sinh hoạt học tập, vui chơi, ăn và ngủ cho trẻ; 01 phòng giáo dục nghệ thuật; 01 phòng giáo dục thể chất; 01 phòng thư viện, 01 phòng tập gym đáp ứng nhu cầu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.2-01].

Nhà trường có trang bị đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt ở tất cả các lớp và phòng chức năng. Ngoài ra, lớp học, phòng chức năng đều có cửa chính, cửa sau và nhiều cửa sổ đảm bảo ánh sáng tự nhiên, sự thông thoáng trong phòng học. Tất cả các phòng đều được trang bị đủ đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học theo quy định tại Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 về danh mục đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non và nhiều đồ chơi trang thiết bị ngoài danh mục mang tính hiện đại phục vụ tốt cho hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại trường [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Mức 2:

Nhà trường có 20 phòng sinh hoạt chung với diện tích mỗi phòng là 77,2m², bình quân 2,2m²/1 trẻ, 01 phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích 77,2m², 01 phòng giáo dục thể chất với diện tích 77,2m², 01 phòng thư viện có diện tích 77,2m², 01 phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích 77,2m², 01 phòng tập gym có diện tích 77,2m² đảm bảo đạt chuẩn theo quy định [H3-3.1-01].

Trường Mầm non 2/9 với 20 phòng học và 04 phòng chức năng được trang bị đầy đủ hệ thống tủ, kệ, đồ dùng tài liệu chuyên môn phù hợp với độ tuổi và được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện cho trẻ hoạt động phù hợp với Chương trình giáo dục mầm non. Trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi được giáo viên thường xuyên kiểm tra và sửa chữa, thay thế kịp thời khi bị hư hỏng nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ [H1-1.6-06]; [H1-1.6-03]. Các phòng học nhóm nhà trẻ cũng như các phòng chức năng chưa lót sàn gỗ. Trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học. Đầu sách ở phòng thư viện chưa đa dạng, phong phú so với số trẻ của trường.

Mức 3:

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

2. Điểm mạnh

Trường Mầm non 2/9 có đầy đủ các phòng tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi; 04 phòng chức năng và tất cả các phòng học đều có đủ ánh sáng, thoáng mát đảm bảo đạt chuẩn theo quy định; được trang bị đầy đủ đồ dùng trang thiết bị và được bố trí sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện đảm bảo các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học. Đầu sách ở phòng thư viện chưa đa dạng, phong phú so với số trẻ của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 bổ sung thêm kệ, nhiều đầu sách hay và phù hợp với mọi lứa tuổi để trẻ xem khi đến phòng thư viện và sắp xếp bố trí thêm phòng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

Hiệu trưởng trang bị đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ, kịp thời bổ sung thay mới các trang thiết bị xuống cấp hoặc các đồ dùng nhằm đảm bảo nhu cầu phát triển cho trẻ trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;*
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non 2/9 có đầy đủ các loại phòng theo quy định như: Phòng hội trường, phòng hành chính, phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng y tế, phòng nghỉ nhân viên, phòng bảo vệ [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].

Khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo yêu cầu cho từng vị trí công việc như: Máy vi tính, máy in, bảng biểu, bàn ghế, tủ để tài liệu, giường y tế, tủ thuốc y tế, cân đo sức khỏe, đèn pin... [H1-1.6-03]; [H1-1.6-06].

Nhà trường có khu để xe riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo an toàn, thuận tiện cho đội ngũ đi xe [H3-3.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có phòng họp được sử dụng làm nơi để hội họp và sinh hoạt của các đoàn thể với diện tích 80m², phòng hiệu trưởng diện tích 21,6m², phòng phó hiệu trưởng diện tích 26,4m², phòng hành chính tài vụ với diện tích 23,4m². Các phòng đều có đầy đủ phương tiện làm việc, bàn ghế tiếp khách, máy vi tính, tủ đựng hồ sơ được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp và có các biểu bảng theo quy định. Tất cả các phòng đảm bảo diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].

Nhà trường có khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên rộng rãi, có mái che, tuy nhiên chỉ có rào chắn di động, chưa có cửa rào kiên cố cho an toàn [H3-3.3-02].

Mức 3:

Nhà trường có đủ các phòng, 01 phòng Hiệu trưởng có diện tích 21,60m², 01 phòng 2 Phó Hiệu trưởng có diện tích 26,40m², 01 văn phòng có diện tích 77,2 m², 01 phòng kế toán có diện tích 23,40m², 01 phòng văn thư có diện tích 23,40m², 01 phòng giáo viên có diện tích 21,60m², 01 nhà bảo vệ với diện tích 9m², 02 khu vệ sinh cho giáo viên với diện tích 11,60m², đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.3-01]; [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các phòng hành chính quản trị và khu vực để xe được thiết kế đảm bảo yêu cầu về diện tích và trang thiết bị theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011, được bố trí phù hợp nhằm đảm bảo công tác quản lý và phục vụ công tác cho các bộ phận.

3. Điểm yếu

Nhà xe giáo viên nhân viên chỉ có rào chắn di động, chưa có cửa rào kiên cố cho an toàn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, nhà trường tiếp tục tăng cường bổ sung thiết bị cho các phòng để thuận tiện trong quá trình làm việc của các bộ phận. Hiệu trưởng có kế hoạch cân đối kinh phí làm cửa nhà xe để đảm bảo an toàn xe hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Mầm non 2/9 có bếp ăn được xây dựng kiên cố đáp ứng đủ yêu cầu để chế biến thức ăn cho trẻ theo đúng độ tuổi [H3-3.1-01]

Nhà trường có kho thực phẩm được bố trí trong khu vực nhà bếp thuận tiện cho nhân viên chế biến món ăn và đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.4-01].

Trong khu vực nhà bếp, bố trí 02 tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn của trẻ trong ngày và bảo quản thực phẩm chế biến bữa ăn xế cho trẻ đúng theo Quyết định 1246/QĐ-BYT ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Y tế [H3-3.4-02].

Mức 2:

Bếp ăn của nhà trường có diện tích 111,8m² ở tầng hai. Nhà bếp được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều, có từng khu vực: Khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn và khu rửa chén nằm ngoài khu vực nhà bếp. Ngoài ra bếp ăn còn có các bảng biểu như: bảng tiếp phẩm, bảng phân lượng thực phẩm sống, bảng phân chia thành phẩm, bảng nội qui, bảng phân công cấp dưỡng [H3-3.4-01]. Bếp ăn được trang bị đầy đủ đồ dùng bằng inox và nhựa melamine cao cấp để phục vụ cho

cho trẻ ăn bán trú tại trường. Có đủ dụng cụ chế biến thực phẩm: dao thớt sống- dao thớt chín, thau, rổ, tủ đựng chén, tủ hấp chén, tủ lạnh,... đúng theo quy định [H3-3.4-03]. Nguồn nước nấu ăn được xét nghiệm hàng năm [H3-3.4-05]. Khu vực để gas được thiết kế nằm ngoài bếp ăn, được kiểm tra hàng tháng [H3-3.4-06]. Nhà trường có hợp đồng với Doanh nghiệp tư nhân Võ Thành Phương tại 88/2B Lê Lợi, Thị Trấn, Hóc Môn, để xử lý rác hằng ngày trong nhà bếp được vệ sinh ngay sau khi thực hiện, có phân loại chất thải tại nguồn [H3-3.4-04]; [H3-3.4-07].

Mức 3:

Bếp ăn của nhà trường đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non, quy định tại khoản 1,2 Mục VI Phần II của Quy chuẩn QCVN 07:2010/BYT. Tuy nhiên, khu vực rửa chén, vị trí sân phơi đồ dùng, trang thiết bị phục vụ ăn uống, khu vực tiếp phẩm chưa được ốp gạch tường [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01].

2. Điểm mạnh

Trường Mầm non 2/9 có bếp ăn đảm bảo diện tích cho mỗi trẻ, được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động bếp một chiều và trang bị đầy đủ đồ dùng trang thiết bị, có đủ nước sạch và xử lý các chất thải đúng theo quy định, đảm bảo phòng chống cháy nổ, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh, an toàn thực phẩm.

3. Điểm yếu

Trường chưa trang bị được xe đẩy cơm cho 12/17 lớp mẫu giáo nhằm giảm tải sức lao động cho giáo viên và cấp dưỡng. Vị trí sân phơi đồ dùng- trang thiết bị phục vụ ăn uống khu vực tiếp phẩm và khu vực rửa chén chưa được ốp gạch tường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 nhà trường sẽ tiếp tục đầu tư trang thiết bị cho bếp ăn nhằm phục vụ tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ tại trường. Hiệu trưởng lên kế hoạch thực hiện ốp gạch men khu vực tiếp phẩm, khu vực rửa chén, vị trí sân phơi đồ dùng, trang thiết bị phục vụ ăn uống nhà trường và những năm học tiếp theo tiếp tục trang bị thêm xe đẩy cơm cho khối lớp mẫu giáo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

- a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*
- b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường trang bị đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 về danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.6-06].

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch tổ chức cho giáo viên làm đồ dùng đồ chơi, phù hợp với từng độ tuổi, đảm bảo tính giáo dục an toàn nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi của trẻ trong lớp và ngoài trời [H3-3.5-01].

Nhà trường có kế hoạch phân công tổ trưởng chuyên môn, phục vụ, bảo vệ kiểm kê các thiết bị đồ dùng, đồ chơi hằng tuần, hằng tháng, hằng năm. Yêu cầu đội ngũ thực hiện sổ báo hư tài sản, đồ dùng đồ chơi để cán bộ quản lý phân công bảo vệ hoặc cơ sở bên ngoài sửa chữa kịp thời nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

Mức 2:

Nhà trường đã trang bị 24 máy tính, trong đó các máy tính trong nhà trường đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên truy cập để sưu tầm những trò chơi, hình ảnh, tài liệu hỗ trợ trong công tác giảng dạy. 17/20 nhóm lớp có máy tính được nối mạng nội bộ với máy tính của cán bộ quản lý đem lại hiệu quả trong việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, nhưng các máy tính bàn có cấu hình thấp nên việc kết nối mạng Internet, mạng nội bộ để hỗ trợ cho công tác giảng dạy còn nhiều hạn chế [H3-3.4-06].

Nhà trường trang bị đủ các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ cho công tác giáo dục trẻ quy định tại Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 về danh mục đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.7-07].

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch mua sắm, bổ sung các thiết bị dạy học ngoài danh mục, tổ chức hội thi làm đồ dùng đồ chơi để phục vụ cho công tác giảng dạy trong nhà trường [H3-3.5-01].

Mức 3:

Hằng năm, các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm, thiết bị dạy học ngoài danh mục quy định của giáo viên luôn được bộ phận chuyên môn kiểm tra đánh giá, chọn lựa và đưa vào giảng dạy những trang thiết bị có tính khả thi. Đội ngũ giáo viên thường xuyên sử dụng và khai thác hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đã được chọn lựa giúp trẻ tích cực tham gia hoạt động, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị [H3-3.5-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học trong danh mục, ngoài danh mục và đồ chơi tự làm theo quy định. Các máy tính được kết nối mạng Internet, mạng nội bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục của giáo viên trong công tác giáo dục trẻ, giúp trẻ hứng thú, tham gia tích cực trong hoạt động của lớp, của trường.

3. Điểm yếu

Còn 03 lớp chưa có máy vi tính, các máy tính bàn có cấu hình thấp nên việc kết nối mạng Internet, mạng nội bộ để hỗ trợ cho công tác giảng dạy của giáo viên còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục trang bị bổ sung 100% máy vi tính cho các nhóm lớp. Xây dựng kế hoạch tổ chức hội thi làm đồ dùng đồ chơi sáng tạo, thể hiện tính thẩm mỹ và có độ bền cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của đồ dùng, đồ chơi. Nâng cấp máy tính có cấu hình thấp nhằm phục vụ cho công tác giảng dạy của giáo viên. Nâng cấp dung lượng Internet đảm bảo các máy tính trong nhà trường đều truy cập nhanh mạng thông tin.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mỗi lớp học đều có phòng vệ sinh cho trẻ, bồn cầu có vách ngăn cách riêng cho trẻ theo giới tính tuy nhiên bồn tiểu nam chưa có vách ngăn, có lavabo cho trẻ rửa tay, có nhà

vệ sinh riêng cho giáo viên; có 02 khu nhà vệ sinh chung cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tất cả phòng vệ sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường và thuận tiện cho việc sử dụng. Trường không có trẻ khuyết tật. Phòng vệ sinh của lớp chưa được trang bị gương cho các cháu sử dụng [H3-3.1-01].

Hệ thống thoát nước của nhà trường được thiết kế phù hợp, đảm bảo vệ sinh môi trường, được kiểm tra thường xuyên theo định kỳ không để tình trạng ứ đọng và có mùi hôi [H3-3.6-01]. Nhà trường sử dụng nguồn nước giếng trong sinh hoạt và trong vệ sinh cá nhân. Có thực hiện xét nghiệm vi sinh, lý hóa mỗi năm đều đạt tiêu chuẩn. Nước máy được kiểm tra xét nghiệm hằng năm đảm bảo theo quy định [H3-3.4-05]. Các cháu được uống nước đóng bình nhãn hiệu C.water của công ty trách nhiệm hữu hạn nước và môi trường Tân Hoa, được kiểm định và có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H3-3.4-04].

Nhà trường có nhà để rác riêng bố trí xa khu vực lớp học và khu vực nhà bếp. Các lớp học đều có thùng rác tạm thời được bố trí ở khu vực nhà vệ sinh của trẻ. Rác thải trong nhà trường và ở các lớp học đều được phân loại theo quy định như: Rác vô cơ, rác hữu cơ, rác thải nguy hiểm. Tất cả thùng rác đều có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-02]. Nhà trường có hợp đồng với Doanh nghiệp tư nhân Võ Thành Phương tại 88/2B Lê Lợi, Thị Trấn Hóc Môn, để xử lý chất thải hằng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm trong khu vực để rác [H3-3.4-04].

Mức 2:

Phòng vệ sinh cho trẻ được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung, thuận tiện cho việc sử dụng và giúp giáo viên dễ quan sát trẻ. Nhà vệ sinh trẻ có diện tích là 21 m². Nhà vệ sinh được trang bị đầy đủ các thiết bị vệ sinh phù hợp với lứa tuổi có bồn rửa tay, bồn tiểu nam, bệ xí, khu vực vệ sinh cho trẻ. Trường có 2 khu nhà vệ sinh cho nhân viên, giáo viên diện tích mỗi khu vệ sinh là 11,60 m²/khu trong đó có khu vệ sinh nam nữ riêng, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H1-3.1-01].

Nhà trường sử dụng nước giếng khoan để cho trẻ, giáo viên, nhân viên sử dụng trong sinh hoạt. Hằng năm, nhà trường có tiến hành kiểm tra xét nghiệm nước máy tại Viện Pasteur với kết quả cho thấy hệ thống cung cấp nước sạch trong nhà trường đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDDĐT-BYT ngày

15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-05]. Tuy nhiên nước giếng sử dụng đôi lúc bị đóng cặn, phèn. Nước uống của trẻ được cung cấp từ Công ty TNHH Nước và Môi trường Tân Hoa, hệ thống nước của công ty được cơ quan chức năng công nhận hệ thống nước đạt chuẩn theo quy định của Bộ y tế [H3-3.4-04]. Nhà trường có hệ thống xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại khoản 3, Điều 5 tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học [H3-3.4-04]. Hệ thống cống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, nước thải từ khu vực bếp, nước thải từ khu vực nhà vệ sinh luôn được xử lý đảm bảo không bị nước ứ đọng gây ô nhiễm xung quanh trường lớp [H3-3.1-01]. Nhà trường có hợp đồng với Doanh nghiệp tư nhân Võ Thành Phương để thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt tại khu tập trung xử lý rác. Rác được xử lý hằng ngày không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.4-04]; [H3-3.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng vệ sinh cho trẻ, đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên. Khu vệ sinh luôn đảm bảo diện tích, sạch, thoáng mát, không ô nhiễm môi trường. Có đủ nước sạch sinh hoạt và phục vụ ăn uống cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đảm bảo hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

Có hệ thống xử lý nước thải.

3. Điểm yếu

Trường chưa sử dụng được nước thủy cục nên còn sử dụng nước giếng khoan.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tăng cường kiểm tra các hệ thống cống rãnh, hệ thống thoát nước để xử lý kịp thời những khu vực hư hỏng nhằm giúp môi trường thông thoáng, đảm bảo vệ sinh môi trường tốt hơn. Năm học 2022-2023 trang bị hệ thống lọc nước nấu ăn và máy Ozone 2G khử khuẩn rửa rau quả; cho các cháu sử dụng uống nước đóng bình ion kiềm thiên nhiên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn SAKA WATER. Tháng 01/2020, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch dự toán để trang bị vách ngăn bồn tiểu nam.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh:

Nhà trường có khuôn viên và các công trình được xây dựng kiên cố, diện tích sân chơi, phòng sinh hoạt chung và hiên chơi đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các phòng học, phòng ngủ, phòng ăn, phòng hoạt động giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, bếp ăn được trang bị đầy đủ đồ dùng cho trẻ sinh hoạt đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Nhà vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

Có hệ thống xử lý nước thải.

Diện tích sân chơi cho trẻ rộng thoáng mát có cây xanh, hệ thống máy tính được kết nối internet mạng nội bộ phục vụ tốt cho công tác quản lý và công tác dạy học.

Điểm yếu:

Nhà trường còn thiếu phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen ngoại ngữ, tin học và âm nhạc. Nhà xe giáo viên nhân viên chưa có rào khóa lại.

Các phòng học nhà trẻ và phòng chức năng chưa được lót sàn gỗ. Đầu sách ở phòng thư viện chưa đa dạng, phong phú.

Trường chưa trang bị được xe đẩy cơm cho 12/17 lớp khối mẫu giáo nhằm giảm tải sức lao động cho giáo viên và cấp dưỡng.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh đúng quy trình và hoạt động đúng theo quy định. Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn chủ động phối hợp với nhà trường thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo đúng kế hoạch đề ra.

Trường Mầm non 2/9 thực hiện tốt công tác phối hợp ba môi trường giáo dục: Nhà trường, gia đình và xã hội, đó là tiền đề giúp nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Nhà trường có mối quan hệ tốt với địa phương, chủ động tham mưu với cấp ủy địa phương, các ban ngành có sự phối hợp tốt với công an, dân quân trong việc đảm bảo an ninh trật tự trường học.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đầu năm học, nhà trường tổ chức họp cha mẹ học sinh ở 20 nhóm, lớp để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh ở mỗi nhóm lớp gồm 02 thành viên (01 trưởng ban, 01 thư ký). Sau đó, nhà trường tiến hành tổ chức Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh và thống nhất bầu ra *Ban đại diện cha mẹ học sinh* ở trường gồm 05 người (01 trưởng ban, 01 phó ban và 03 thành viên). Trong 5 năm qua, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo nguyên tắc đồng thuận, thống nhất cao, chủ động phối hợp giữa nhà trường, địa phương và cha mẹ học sinh đúng theo quy định tại Điều 9 của Thông tư 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ trẻ có kế hoạch hoạt động theo năm học. Kế hoạch hoạt động được xây dựng dựa trên tình hình thực tế của nhà trường đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp cha mẹ học sinh và buổi họp Đại hội đại biểu Ban đại diện cha mẹ học sinh đầu năm [H4-4.1-01]. Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch *hoạt động* đúng tiến độ thông qua họp đầu năm học, bản tin của trường, lớp và thông qua việc trao đổi trực tiếp với giáo viên chủ nhiệm của từng nhóm lớp [H4-4.1-02].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục [H4-4.1-02]. Hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục cha mẹ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ thông qua họp đầu năm học, bản tin của lớp, vận động cha mẹ trẻ tham dự nghe bác sĩ báo cáo chuyên đề tại trường và tư vấn hướng dẫn cha mẹ học sinh về cách chăm sóc sức khỏe cho trẻ [H4-4.1-02].

Mức 3:

Trong nhiều năm qua, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo kế hoạch đề ra, phối hợp với nhà trường thực hiện các nhiệm vụ theo Thông tư 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh [H4-4.1-01]. Tuy nhiên, đa số phụ huynh là công nhân lao động nên việc vận động hỗ trợ kinh phí cho công tác vận động xã hội hoá giáo dục chưa cao. Một số phụ huynh chưa có nhiều thời gian chăm sóc, đưa đón con đến trường chủ yếu là ông bà chăm sóc, đưa đón nên ít tham gia vào các cuộc họp và hoạt động của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và có kế hoạch hoạt động theo năm học, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh giúp nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Đa số phụ huynh là công nhân lao động nên việc vận động hỗ trợ kinh phí cho công tác vận động xã hội hoá giáo dục chưa cao. Một số phụ huynh chưa có nhiều thời gian chăm sóc, đưa đón con đến trường chủ yếu là ông bà chăm sóc, đưa đón nên ít tham gia vào các cuộc họp và hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo nhà trường sẽ tiếp tục duy trì và nâng chất hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Hiệu trưởng cùng với ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức họp phụ huynh vào ngày nghỉ cuối tuần để cha mẹ học sinh tham gia đầy đủ nhằm nắm bắt được các nội dung có liên quan đến việc chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Đẩy mạnh công tác phối hợp tạo cầu nối vững chắc giữa nhà trường, giáo viên và cha mẹ học sinh, đồng thời tham mưu với Ban Đại diện cha mẹ học sinh để vận động cha mẹ học sinh thực hiện tốt công tác xã hội hóa nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường;

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện các chính sách về giáo dục mầm non, chủ động tham mưu với Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn về kế hoạch và các biện pháp phát triển nhà trường đồng thời phối hợp phổ cập địa phương để điều tra số liệu trẻ trong độ tuổi nhằm có kế hoạch thu nhận trẻ [H1-1.1-01]; [H1-1.1-03].

Trường Mầm non 2/9 đã tuyên truyền đến phụ huynh thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh, loa phát thanh xã Thới Tam Thôn, bảng tin trường, bảng thông báo nhằm nâng cao nhận thức trách nhiệm của cha mẹ học sinh về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, kế hoạch giáo dục của nhà trường như: Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; kế hoạch tuyển sinh; kế hoạch năm học; an toàn giao thông và đảm bảo an ninh trật tự... Ngoài ra, giáo viên ở các lớp còn tuyên truyền nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, phòng chống bạo hành, phòng chống dịch bệnh thông qua bản tin lớp, các buổi họp phụ huynh, sổ bé ngoan, sổ liên lạc, trao đổi trực tiếp giữa giáo viên và phụ huynh về tình hình sức khỏe của trẻ,... [H4-4.2-01].

Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức cá nhân đúng quy định, năm học 2022-2023 đã huy động mạnh thường quân cá nhân, công ty hỗ

cho nhà trường một số cây xanh, hoa kiểng, sơn tường, cỏ nhân tạo..., để cải tạo khu vui chơi: sân banh, khu trải nghiệm bắt cá. Tuy nhiên, chưa huy động được nhiều các nguồn lực từ phụ huynh [H4-4.2-04].

Mức 2:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, trình Ủy ban nhân dân xã, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện Học Môn hỗ trợ mua sắm, bổ sung trang thiết bị, cải tạo môi trường thực hiện kế hoạch trường đạt chất lượng giáo dục và Chuẩn Quốc gia theo kế hoạch [H1-1.1-01]; [H4-4.2-02].

Nhà trường phối hợp với Đảng ủy, Đoàn Thanh niên để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch: Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường, Trung Thu, Tết và mùa xuân, Quốc tế thiếu nhi, ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam, Ngày thương binh liệt sĩ 27/7... phù hợp với truyền thống của địa phương [H4-4.2-03]

Mức 3:

Nhà trường có xây dựng được kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Được công nhận đạt “Đơn vị văn hoá” do Ủy ban nhân dân huyện Học Môn *cấp*.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối với các tổ chức, đoàn thể thực hiện kế hoạch giáo dục, hoạt động lễ hội huy động các nguồn lực tạo điều kiện cho nhà trường phát triển.

3. Điểm yếu

Có huy động được nhiều các nguồn lực từ phụ huynh nhưng chưa cao.

Hình thức tuyên truyền bản tin của giáo viên còn chưa phong phú để thu hút sự quan tâm của cha mẹ trẻ

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả việc tham mưu với chính quyền địa phương, đồng thời huy động được nhiều nguồn lực xã hội, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo bộ phận chuyên môn phối hợp tốt với các bộ phận khuyến khích giáo viên thực hiện bản tin tuyên truyền với nhiều hình thức phong phú thu hút được sự quan tâm của cha mẹ trẻ hơn, nhằm phối hợp nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đồng hành cùng nhà trường trong các hoạt động của đơn vị quy định. Nhà trường đã phát huy hiệu quả mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa ba môi trường giáo dục: gia đình, nhà trường, xã hội trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Song song đó, nhà trường luôn chủ động và kịp thời tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể, cá nhân ở địa phương để phát huy hiệu quả việc huy động các nguồn lực hỗ trợ về tinh thần, vật chất để xây dựng nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường.

Điểm yếu:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em chưa có nhiều thời gian tham gia vào các hoạt động cùng nhà trường.

Hình thức tuyên truyền bản tin của giáo viên còn chưa phong phú để thu hút sự quan tâm của cha mẹ trẻ.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mở đầu:

Mở đầu:

Nhà trường tổ chức các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với điều kiện của nhà trường và đặc điểm tâm sinh lý của trẻ ở các lớp.

Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện cho trẻ trong các hoạt động giúp trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân, về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm phù hợp với độ tuổi. Giáo viên chăm sóc trẻ tận tình, chu đáo, giúp trẻ tự tin, mạnh dạn trong giao tiếp, có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường và hình thành cho trẻ có thói quen tốt trong giữ gìn vệ sinh cá nhân, tạo tiền đề vững chắc cho trẻ chuẩn bị vào lớp Một.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kế hoạch thời gian năm học do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, cán bộ quản lý cụ thể hóa bằng các kế hoạch hoạt động chuyên môn theo năm, tháng, tuần. Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4

năm 2021 của Bộ Giáo dục Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục mầm non. Kế hoạch được triển khai đến toàn thể các tổ chuyên môn và giáo viên trong phiên họp chuyên môn đầu năm để thực hiện và hằng tháng, học kỳ đánh giá kết quả đạt được trong thời gian qua đồng thời tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch trong thời gian tiếp theo. Giáo viên lập kế hoạch theo chương trình Mindjet - Mindmanager phù hợp từng độ tuổi và khả năng của trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn. Kế hoạch giáo dục có nội dung cụ thể phù hợp với từng độ tuổi, đảm bảo tính khoa học theo nguyên tắc đi từ dễ đến khó, tính liên thông giữa các độ tuổi theo Chương trình giáo dục mầm non quy định. Hằng ngày, giáo viên luôn tổ chức các hoạt động học, vui chơi, vệ sinh, ăn, ngủ giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ theo đúng kế hoạch đã đề ra [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].

Trong quá trình tổ chức cho trẻ học tập, vui chơi và các sinh hoạt khác trong ngày, giáo viên ở lớp luôn quan sát, nhận xét đánh giá sự phát triển của trẻ theo hằng ngày, hằng tháng, hằng quý. Trên cơ sở đó giúp giáo viên kịp thời điều chỉnh và bổ sung nội dung vào kế hoạch giáo dục cho giai đoạn tiếp theo để phù hợp với trẻ tại lớp [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]. Bên cạnh đó, cán bộ quản lý nhà trường duy trì việc kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non thông qua kiểm tra kế hoạch giáo dục; dự giờ đột xuất, báo trước nhằm giúp giáo viên điều chỉnh kịp thời trong quá trình giảng dạy để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.8-03].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ đúng theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Trong quá trình giảng dạy, đội ngũ giáo viên linh hoạt trong phương pháp, sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy... giúp trẻ hứng thú tích cực tham gia học tập, phát triển toàn diện các lĩnh vực theo từng độ tuổi, đảm bảo về chất lượng đúng theo tinh thần chỉ đạo của ngành học [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

Hằng năm nhà trường có bồi dưỡng, hướng dẫn giáo viên lựa chọn các mục tiêu, nội dung giáo dục để Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hoá địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ tại nhóm, lớp [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

Mức 3:

Nhà trường có tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định. Tuy nhiên, nhà trường chỉ tham khảo học tập không áp dụng chương trình của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H1-1.8-01].

Hằng năm, nhà trường có tổ chức đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của giáo viên thông qua buổi Hội nghị sơ kết học kỳ I, tổng kết năm học, qua đó đội ngũ cán bộ quản lý chỉ ra những ưu điểm, hạn chế trong quá trình thực hiện giảng dạy của giáo viên từ đó có biện pháp điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục tại lớp nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.2-03]; [H1-1.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức thực hiện và phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch đảm bảo chất lượng phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục; điều kiện nhà trường phù hợp với văn hóa địa phương đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ. Nhà trường luôn định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của các lớp để chỉ ra những ưu điểm, hạn chế trong quá trình thực hiện giảng dạy của giáo viên từ đó có biện pháp điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục tại lớp nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Nhà trường không áp dụng chương trình của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo đúng kế hoạch

đề ra đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em, phù hợp với văn hoá địa phương. Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục hướng dẫn tổ trưởng chuyên môn đề ra biện pháp khuyến khích giáo viên tích cực thảo luận, trao đổi trong các buổi họp chuyên môn, nhằm giúp giáo viên có thêm kinh nghiệm trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Cán bộ quản lý nhà trường tham gia học tập, nắm bắt kịp thời và làm theo sự chỉ đạo trong việc áp dụng chương trình của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình Giáo dục và Đạo tạo hiện nay.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

- a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*
- b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*
- c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đội ngũ giáo viên biết dựa vào nội dung Chương trình giáo dục mầm non, mục tiêu cuối độ tuổi, bộ chuẩn phát triển trẻ năm tuổi để lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của trẻ, từ đó xây dựng kế hoạch giáo dục với các hoạt động, phương pháp phù hợp với mục tiêu và khả năng của trẻ ở lớp [H1-1.8-01]. Đối với trẻ nhà trẻ giáo viên biết linh hoạt chọn lựa phương pháp giao tiếp để thể hiện sự yêu thương gần gũi giữa người lớn với trẻ, qua đó giúp trẻ được giao lưu cảm xúc, kích thích sự phát triển các giác quan. Đối với trẻ mẫu giáo, giáo viên luôn vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp trong một giờ hoạt động tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi khám phá môi trường xung quanh, qua đó giúp trẻ hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và phát triển những kỹ năng sống cần thiết phù hợp lứa tuổi [H5-5.1-01].

Giáo viên chú trọng xây dựng môi trường giáo dục gần gũi như gia đình, giúp trẻ thoải mái chơi và trải nghiệm từ đó phát huy khả năng cá nhân; giúp trẻ có cơ hội được tương tác với đồ dùng đồ chơi và tiếp xúc với mọi người xung quanh. Trẻ mẫu giáo được tham gia trang trí môi trường giáo dục từ sản phẩm của trẻ như treo tranh ảnh, sản phẩm do trẻ tự làm theo chủ đề; sắp xếp đồ dùng, đồ chơi gọn gàng, ngăn nắp, môi trường giáo

dục được thay đổi thường xuyên theo hướng lấy trẻ làm trung tâm nhằm tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, vui chơi [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01]; [H5-5.1-01].

Dựa vào kỹ năng của trẻ ở lớp, dựa vào điều kiện thực tế của nhà trường đội ngũ giáo viên đã linh hoạt lựa chọn nhiều phương pháp, hình thức *giáo dục* phù hợp độ tuổi, qua đó kích thích sự hứng thú, tham gia tích cực trong học tập, giúp trẻ tiếp thu kiến thức, hình thành các kỹ năng cơ bản thể hiện qua giờ học, hoạt động theo chủ đề, hoạt động vui chơi trong lớp, hoạt động ngoài trời, lao động chăm sóc vườn cây, hoạt động khám phá thử nghiệm, triển lãm tranh đẹp của bé, hoạt động tham quan, dã ngoại, liên hoan, văn nghệ, hoạt động lễ hội và tham gia các hội thi [H4-4.2-03]; [H5-5.1-01].

Mức 2 :

Với điều kiện thực tế tại đơn vị, nhà trường đã triển khai cho giáo viên tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ được giáo viên đưa vào kế hoạch năm, tháng, tuần và áp dụng tổ chức được trẻ tham gia tích cực hứng thú [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01].

Mức 3:

Nhà trường luôn đổi mới môi trường hoạt động trong và ngoài lớp học như: sắp xếp, trang trí không gian học tập của trẻ hợp lý, thẩm mỹ, thân thiện đối với trẻ; *các* khu vực chơi cho trẻ được thiết kế phù hợp, sắp xếp thuận tiện, đa dạng đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đảm bảo an toàn, sạch đẹp kích thích hứng thú của trẻ, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “Chơi mà học, học bằng chơi” đã đem lại hiệu quả đáp ứng khả năng nhu cầu vui chơi, trải nghiệm, khám phá của trẻ [H5-5.2-01]. Tuy nhiên, trường chưa tổ chức được nhiều chuyến tham quan, trải nghiệm ở nơi xa cho trẻ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức đa dạng đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường. Tổ chức tốt môi trường giáo dục trong và ngoài lớp theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ, tạo nhiều cơ hội cho trẻ tăng cường tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

3. Điểm yếu

Trường chưa tổ chức được nhiều chuyến tham quan, trải nghiệm cho trẻ ở nơi xa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo nhà trường sẽ duy trì cải tạo môi trường thiên nhiên để tăng cường cho trẻ được hoạt động, tiếp tục triển khai, chỉ đạo giáo viên tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục; cùng trẻ thiết kế môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với lứa tuổi, khả năng, nhu cầu thực tế của trẻ để thu hút lượng trẻ tham gia hoạt động cao hơn. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ cho giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy thu hút trẻ vào các hoạt động hiệu quả hơn. Giáo viên thường xuyên trao đổi với phụ huynh để phụ huynh hiểu và đồng thuận trong việc về đóng góp hỗ trợ đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị để hỗ trợ giáo viên tổ chức tốt môi trường hoạt động cho trẻ.

Cán bộ quản lý có kế hoạch phối hợp với cha mẹ học sinh để tổ chức tốt nhất các chuyến tham quan, trải nghiệm cho trẻ hoặc mời chuyên gia đến, hướng dẫn trẻ thực hành một số hoạt động thực hành, khám phá tại trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học, nhà trường phối hợp bệnh viện Đa khoa khu vực Hóc Môn tổ chức khám sức khỏe phân loại tình trạng sức khỏe cho trẻ. Ngoài ra, nhà trường còn

phối hợp chặt chẽ với Trạm y tế xã Thới Tam Thôn chăm lo sức khỏe cho bé như tiêm ngừa vắc-xin sởi, phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ [H5-5.3-01].

Nhà trường có 580/580 tỷ lệ 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, cân nặng, cân đo chiều cao, 100% trẻ được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng trong sổ sức khỏe theo quy định [H5-5.3-02].

100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng và báo cáo hàng tháng. Có chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân - béo phì, kết hợp cho trẻ tăng cường vận động mỗi sáng theo lịch vận động, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cải thiện so với đầu năm học, cụ thể như sau:

Năm học: 2018 - 2019:

	Suy dinh h dưỡng nhẹ cân				Su y dinh dưỡng thấp còi				Th ừa cân – Béo phì			
	Đầu u vào / tổng số		Ph ục hồi i		Đầu u và o/t ổn g		Ph ục hồi i		Đầu u và o/t ổn g		Ph ục hồi i	

	học sinh				số học sinh				số học sinh			
	Nh à trẻ	Mẫu giáo	N hà trẻ	Mẫ u giáo	N hà trẻ	Mẫu giáo	N hà trẻ	Mẫu giáo	N hà trẻ	Mẫu giáo	N hà trẻ	Mẫu giáo
Tổng số trẻ	1/6 7	12/58 5	0/ 75	7/5 73	2/ 67	12/58 5	1/ 75	8/57 5	6/ 67	84/58 5	5/ 75	56/573
Tỷ lệ	1.4 9	2.05	0	1.2 2	2. 98	2.05	1. 33	1.39	8. 95	14.35	6. 66	9.77

Năm học 2019 – 2020:

	Suy đinh dưỡng nhẹ cân				Su y đi nh d ư ỡng g th ấp cò i				Th ừa cân – Bé o ph ì			
	Đầu vào/ tổng		Ph ục		Đ ầu và		Ph ục		Đầ u và		P hụ c	

	số học sinh		hồ i		o/ tổ ng số họ c sĩ nh		hồ i		o/ tổn g số họ c sin h		hồ i	
	Nhà trẻ	Mẫ u giá o	N hà trẻ	Mẫ u giá o	N hà trẻ	Mẫ u giáo	N hà trẻ	M ẫu gi áo	Nh à trẻ	Mẫ u giá o	N hà tr ẻ	M ẫu giá o
Tổn g số trẻ	0/69	6/5 70	0/ 65	4/5 15	0/ 69	7/5 70	0/ 65	4/ 51 5	3/6 9	92/ 57 0	3/ 65	45/ 51 5
Tỷ lệ	0	1.0 5	0	0.7 8	0	1.23	0	0. 78	4.3 4	16. 14	4. 61	0.8 7

Năm học 2020– 2021:

	Suy dinh dưỡn g nhẹ cân				Su y di nh dư õn g th ấp				Thờ a cân – Béo phì			
--	-------------------------------------	--	--	--	--	--	--	--	---------------------------------	--	--	--

					cò i							
	Đầu vào/ tổng số học sinh		Phụ c hồi		Đ ầu và o/ tổ ng số họ c sinh		Ph ục hồ i		Đầu vào/ tổng số học sinh		Phụ c hồi	
	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫ u giáo	N hà trẻ	Mẫu giáo	N hà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo
Tổn g số trẻ	1/67	14/57 3	1/76	12/5 72	0/ 67	5/573	0/ 76	3/57 2	8/67	83/5 73	3/76	48/5 72
Tỷ lệ	1.49	2.44	1.32	2.1	0	0.87	0	0.52	11.9 4	14.49	3.95	8.39

Năm học 2021 – 2022:

	Suy dinh dưỡng nhẹ cân				Su y di nh dư thừa				Thừa cân – Béo phì			
--	------------------------------------	--	--	--	-----------------------------------	--	--	--	--------------------------------	--	--	--

					g th áp cò i							
	Đầu vào/ tổng số học sinh		Phụ c hồi		Đ ầu và o/ tổ ng số họ c sĩ nh		Ph ục hồ i		Đầu vào/ tổng số học sinh		Phụ c hồi	
	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫ u giáo	N hà trẻ	Mẫu giáo	N hà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Nhà trẻ	Mẫu giáo
Tổn g số trẻ	0/72	12/50 9	0/85	10/4 97	0/ 72	5/509	0/ 85	3/49 7	3/72	92/5 09	2/85	47/4 97
Tỷ lệ	0	2.36	0	2.01	0	0.98	0	0.6	4.17	18.07	2.35	9.46

[H1-1.7-03]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường đều có tổ chức những buổi thảo luận, tuyên truyền cho gia đình trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ. Cán

bộ y tế trường học tuyên truyền cho các giáo viên, nhân viên về chế độ dinh dưỡng cho trẻ và các bệnh phổ biến. Phối hợp công ty sữa NUTIFOOD mời bác sĩ tại Trung tâm dinh dưỡng Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức nói chuyện chuyên đề về chủ đề: phòng bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết và bệnh viêm đường hô hấp ở trẻ. Tuy nhiên, các hoạt động tuyên truyền chưa thu hút được đông đảo cha mẹ trẻ tham dự [H5-5.3-01].

Chế độ ăn của trẻ được xây dựng theo Chương trình giáo dục mầm non, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2017 (Điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT); món ăn đa dạng, thức ăn được thay đổi theo mùa nhằm đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ phát triển [H5-5.3-02].

100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp: Đối với trẻ suy dinh dưỡng, bổ sung sữa, phô mai, bánh plan, tăng cường chất bột, béo vào khẩu phần ăn của trẻ; đối với trẻ thừa cân béo phì tổ chức cho trẻ chơi các bài tập, trò chơi vận động sau giờ thể dục sáng; tăng cường vận động cho trẻ trong các hoạt động trong ngày [H5-5.3-01]; có chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ béo phì như giảm chất bột, tăng cường cho trẻ ăn thêm rau luộc vào các bữa ăn của trẻ [H5-5.3-01]; phối hợp với cha mẹ trẻ để tuyên truyền về chế độ dinh dưỡng cho trẻ thông qua bản tin lớp, trao đổi trực tiếp với cha mẹ trẻ để xây dựng chế độ dinh dưỡng phù hợp cho trẻ khi ở nhà nhằm đảm bảo sức khỏe cho trẻ. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ có cải thiện so với đầu năm học [H5-5.3-02].

Mức 3:

Đầu năm 2022-2023 nhà trường thực hiện đo chiều cao, cân nặng cho 680 trẻ, số lượng trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường 547/680, tỷ lệ 80.44%. Bộ phận chuyên môn có kế hoạch can thiệp chế độ dinh dưỡng, chế độ vận động đối với trẻ suy dinh dưỡng cân nặng, trẻ thừa cân béo phì đến thời điểm báo cáo số lượng trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường tăng lên so với đầu năm là 595/680 tỷ lệ 87.5% [H5-5.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp với trạm y tế xã Thới Tam Thôn, cha mẹ học sinh để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ, luôn đảm bảo cân đối nhu cầu dinh

dưỡng của trẻ theo quy định, có phương án can thiệp trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, trẻ thừa cân được cải thiện tốt hơn với đầu năm, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng cân nặng được giảm cao so với đầu năm.

3. Điểm yếu

Các hoạt động tuyên truyền chưa thu hút được đông đảo cha mẹ trẻ tham dự

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ, phó hiệu trưởng sẽ có các hình thức tuyên truyền phong phú như phát thanh đầu giờ, cuối giờ, tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, tuyên truyền bằng hình ảnh trực tiếp tại các nhóm, lớp nhằm thu hút sự quan tâm của cha mẹ trẻ đối với sự phát triển của trẻ, đặc biệt là cung cấp thông tin cho cha mẹ trẻ về những tác hại của bệnh thừa cân béo phì, cùng cha mẹ trẻ hợp tác tốt trong việc điều chỉnh chế độ sinh hoạt cho trẻ, giúp trẻ có thể lực tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trẻ đi học chuyên cần 247/247 trẻ đạt 95.4 % đối với trẻ 5 tuổi, trẻ lứa tuổi khác đạt 92.5%. Tuy nhiên, trẻ ở khối nhà trẻ còn đi học chưa đều do độ tuổi nhà trẻ cháu hay bệnh [H5-5.4-01].

Nhà trường thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục mầm non dành cho trẻ 5 tuổi theo quy định. Cuối năm 2021-2022 nhà trường đạt 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. [H5-5.4-02].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập học tại trường.

Mức 2:

Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 95,4%; trẻ dưới 5 tuổi 92.5% .

Nhà trường đạt 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non [H1-1.1-04]; [H5-5.4-02].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 3:

Năm học 2021-2022 nhà trường đạt 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non [H1-1.1-04]; [H5-5.4-02].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hoà nhập.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ trẻ hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt 100%.

3. Điểm yếu

Trẻ ở khối nhà trẻ còn đi học chưa đều do độ tuổi nhà trẻ cháu hay bệnh

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022- 2023 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý sẽ tiếp tục chỉ đạo duy trì tỷ lệ 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. Phối hợp với giáo viên tăng cường công tác tuyên truyền đến cha mẹ trẻ và tổ chức nhiều hoạt động thu hút sự ham thích của trẻ khi đến trường, nhằm đảm bảo tỷ lệ chuyên cần được ổn định trong từng tháng.

Giáo viên chăm sóc nuôi dưỡng trẻ tốt tạo sự an tâm cho cha mẹ trẻ khi đưa trẻ đến trường, thường xuyên điện thoại hỏi thăm trẻ khi trẻ bệnh khích lệ cha mẹ cho trẻ đi học lại ngay sau khi hết bệnh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh:

Điểm mạnh nổi bật

Trẻ được phát triển tốt về thể chất và tinh thần theo mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Nhà trường có tổ chức thực hiện và phát triển Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch đảm bảo chất lượng phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục; điều kiện nhà trường phù hợp với văn hóa địa phương đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp với trạm y tế xã Thới Tam Thôn, cha mẹ học sinh để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ, luôn đảm bảo cân đối nhu cầu dinh dưỡng của trẻ theo quy định.

Nhà trường thực hiện tốt công tác vận động trẻ ra lớp và duy trì sĩ số học sinh, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và hằng năm đều có báo cáo kết quả về nội dung đánh giá trẻ.

Điểm yếu:

Nhà trường không áp dụng chương trình của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Các hoạt động tuyên truyền chưa thu hút được đông đảo cha mẹ trẻ tham dự

Trường chưa tổ chức được nhiều chuyến tham quan, trải nghiệm cho trẻ ở nơi xa.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Trường Mầm non 2/9 đã thực hiện báo cáo quá trình tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường đã đối chiếu 25 tiêu chí, 75 chỉ báo theo quy định, với các thành quả về hoạt động chăm sóc giáo dục của nhà trường đã đạt được trong 5 năm học vừa qua với Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non, trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau:

Mức 1:

- Tổng số tiêu chí: 25
- Tổng số tiêu chí đạt: 25. Đạt tỉ lệ: 100%
- Tổng số tiêu chí không đạt: 0. Đạt tỉ lệ: 0%

Mức 2:

- Tổng số tiêu chí: 25
- Tổng số tiêu chí đạt: 25. Đạt tỉ lệ: 100%
- Tổng số tiêu chí không đạt: 0. Đạt tỉ lệ: 0%

Mức 3:

- Tổng số tiêu chí: 19
- Tổng số tiêu chí đạt: 7. Đạt tỉ lệ: 36,84%
- Tổng số tiêu chí không đạt: 12. Đạt tỉ lệ: 63,16%

Mức 4:

- Tổng số tiêu chí: 6
- Tổng số tiêu chí đạt: 0. Đạt tỉ lệ: 0%
- Tổng số tiêu chí không đạt: 6. Đạt tỉ lệ: 100%

Mức đánh giá mà cơ sở giáo dục đạt được căn cứ theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT là: Mức độ 2

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng chăm sóc giáo dục của trường Mầm non 2/9 về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Nhà trường kính mong được sự chỉ đạo quan tâm, hướng dẫn, giúp đỡ của các cấp lãnh đạo các cấp quản lý, các cấp ủy Đảng, sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể chính quyền địa phương, sự hỗ trợ của các mạnh thường quân, ban đại diện cha mẹ học sinh đóng góp ý kiến để trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu. Từ đó, nhà trường sẽ có cơ sở và biện pháp cải tiến nhằm đưa chất lượng chăm sóc, giáo dục tại đơn vị ngày càng tốt hơn, hoàn thiện hơn, trường ngày càng phát triển toàn diện và bền vững./.

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ: 2

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt chuẩn quốc gia Mức độ: 1

Hóc Môn, ngàytháng năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Ngô Thị Chí Hiếu

Phần IV
PHỤ LỤC
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch Chiến lược phát triển của trường Mầm non 2/9 giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030	05/9/2018	Trường Mầm non 2/9	
	2	[H1-1.1-02]	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Thới Tam Thôn Nhiệm kỳ 2020-2025		Đảng ủy xã Thới Tam Thôn	
	3	[H1-1.1-03]	Hình ảnh niêm yết kế hoạch Chiến lược phát triển trường Mầm non 2/9 giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến 2030		Trường Mầm non 2/9	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 ; 2020-2021;2021-2022
	4	[H1-1.1-04]	Kế hoạch năm học	số 162/KH-MN2/9 ngày 15/9/2017 ;số 161/KH-MN2/9 ngày 15/9/2018;số 172/KH-MN2/9 ngày 19/9/2019; số 32/KH-MN2/9 ngày 01/10/2020; số 39/KH-MN2/9 ngày 02/10/2021	Trường Mầm non 2/9	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
						Năm học 2021-2022
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường. và các hội đồng khác	QĐ số 1987/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	
	2	[H1-1.2-02]	Các quyết định hàng năm		Trường mầm non 2/9	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh Quyết định thành lập Hội đồng chăm sóc sức khỏe kiến kinh nghiệm. Quyết định thành lập Hội đồng chấm thi

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
						giáo viên dạy giỏi cấp trường
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ các hội đồng: - Hội đồng trường - Thi đua khen thưởng - Tuyển sinh - Chăm sóc kiến kinh nghiệm	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Trường Mầm non 2/9	
	4	[H1-1.2-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Trường Mầm non 2/9	
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Chi bộ		Chi bộ trường Mầm non 2/9	Năm 2017 Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Công đoàn		Công đoàn trường Mầm non 2/9	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Nhiệm kỳ 2020-2022 Năm học 2023-2027

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Chi đoàn thanh niên		Chi đoàn thanh niên trường Mầm non 2/9	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020--2021 Năm học 2021--2022
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ Hội chữ thập đỏ		Trường Mầm non 2/9	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ Hội khuyến học		Trường Mầm non 2/9	Năm học 2017-2018

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
						Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng; Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục ;Phó hiệu trưởng phụ trách nuôi dưỡng	Số 953/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 ; Số 2629/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Quyết định điều động,bổ nhiệm Hiệu trưởng. Quyết định bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng phụ

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
						trách nuôi dưỡng
	2	[H1-1.4-02]	Hồ sơ sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ văn phòng		Trường Mầm non 2/9	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ thực hiện chuyên đề cấp quận huyện cấp trường		Trường Mầm non 2/9	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020
	4	[H1-1.4-04]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng. Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục. Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng phụ trách nuôi dưỡng		Phòng GD&ĐT Huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	5	[H1-1.4-05]	Quyết định thành lập các tổ.	Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020, Năm học 2020-2021, năm học 2021-2022.	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn
	6	[H1-1.4-06]	Kế hoạch năm của các tổ	Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020, Năm học 2020-2021. Năm học 2021-2022	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn
	7	[H1-1.4-07]	Hồ sơ sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020, năm học 2020-2021, Năm học 2021-2022	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Hồ sơ quản lý trẻ		Trường Mầm non 2/9	5 năm
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ quản lý nhân sự		Trường Mầm non 2/9	Hồ sơ cá nhân cán bộ giáo viên nhân viên, người lao động tại đơn vị
	2	[H1-1.6-02]	Hồ sơ thi đua.		Trường Mầm non 2/9	5 năm (từ năm học

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
						2017-2018 đến năm học 2021-2022
	3	[H1-1.6-03]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ		Trường Mầm non 2/9	5 năm (từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022)
	4	[H1-1.6-04]	Sổ công văn đi, đến		Trường Mầm non 2/9	5 năm (2018 đến 2022)
	5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất.			5 năm (năm 2018 đến 2022)
	6	[H1-1.6-06]	Hồ sơ quản lý bán trú		Trường Mầm non 2/9	5 năm (2018-2022)
	7	[H1-1.6-07]	Hồ sơ quyết toán		Trường Mầm non 2/9	5 năm (2018-2022)
	8	[H1-1.6-08]	Hồ sơ công khai và biên bản kiểm tra tài chính, tài sản		Trường Mầm non 2/9	5 năm (2018-2022)

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	9	[H1-1.6-09]	Quy chế chi tiêu nội bộ		Trường Mầm non 2/9	5 năm (2018-2022)
	10	[H1-1.6-10]	Các phần mềm quản lý hành chính: - Phần mềm quản lý cán bộ công chức - Phần mềm EPMIS - Phần mềm quản lý dữ liệu giáo dục - Phần mềm phổ cập giáo dục		Trường Mầm non 2/9	Máy tính phòng kế toán
	11	[H1-1.6-11]	Các phần mềm quản lý tài chính, tài sản: - Phần mềm quản lý tài sản - Phần mềm kế toán IMAS			Phòng kế toán
	12	[H1-1.6-12]	Hồ sơ quyết toán	Năm 2018. Năm 2019 , Năm 2020, Năm 2021	Trường Mầm non 2/9	Phòng kế toán
	13	[H1-1.6-13]	Hồ sơ công khai và biên bản kiểm tra tài chính, tài sản	Năm 2018, 2019, 2020, 2021	Trường Mầm non 2/9	Phòng hành chính

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên cán bộ giáo viên		Trường Mầm non 2/9	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020
	2	[H1-1.7-02]	Hồ sơ phân công phân nhiệm		Trường Mầm non 2/9	5 năm (2018-2022)
	3	[H1-1.7-03]	Hồ sơ quy chế dân chủ		Trường Mầm non 2/9	5 năm (2018-2022)
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường		Trường Mầm non 2/9	5 năm (2018--2022)
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non của giáo viên		Trường Mầm non 2/9	5 năm (2018-2022)
	3	[H1-1.8-03]	Hồ sơ quản lý chuyên môn		Trường Mầm non 2/9	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	4	[H1-1.8-04]	Bằng khen, giấy khen		Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân thành phố	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019
	5	[H1-1.8-05]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn
	6	[H1-1.8-06]	Kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non của giáo viên	Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020	Giáo viên	Nhóm lớp
	7	[H1-1.8-07]	Hồ sơ quản lý chuyên môn	Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn
	8	[H1-1.8-08]	Bằng khen, giấy khen	Năm 2015 , Năm 2016, Năm 2017, Năm 2018, Năm 2019	Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân thành phố	Phòng truyền thống
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ hội nghị cán bộ công chức		Trường Mầm non 2/9	Năm học 2015-2016

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
						Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020
	2	[H1-1.9-02]	Báo cáo tổng kết Công đoàn Báo cáo tổng kết năm học		Trường Mầm non 2/9	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019
	3	[H1-1.9-03]	Hồ sơ hội nghị cán bộ công chức	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn
	4	[H1-1.9-04]	Báo cáo tổng kết Công đoàn, Báo cáo tổng kết năm học	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				2018-2019, Năm học 2019-2020		
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, phòng chống cháy nổ, thảm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực học đường		Trường Mầm non 2/9	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020
	2	[H1-1.10-02]	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm			Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020
	3	[H1-1.10-03]	Hình ảnh hộp thư góp ý, đường dây nóng		Trường Mầm non 2/9	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	4	[H1-1.10-04]	Hồ sơ tiếp công dân		Trường Mầm non 2/9	
	5	[H1-1.10-05]	Biên bản phổ biến, hướng dẫn thực hiện các phương án: - Đảm bảo an ninh trật tự - Vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích - An toàn phòng, chống cháy nổ - An toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh - Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường		Trường Mầm non 2/9	
	6	[H1-1.10-06]	Phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, phòng chống cháy nổ, thảm	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực học đường. (có 5/5)	2018-2019, Năm học 2019-2020		
	7	[H1-1.10-07]	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.(có /55)	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn
	8	[H1-1.10-08]	Hình ảnh hộp thư góp ý, đường dây nóng.	Năm học 2018-2019	Trường Mầm non 2/9	Phòng hành chính
	9	[H1-1.10-09]	Hồ sơ tiếp công dân	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn
	10	[H1-1.10-10]	Biên bản phổ biến, hướng dẫn thực hiện các phương án: Đảm bảo an ninh trật tự, Vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích, An toàn phòng, chống cháy nổ, An toàn phòng, chống thảm họa thiên	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			tai; phòng, chống dịch bệnh, Phòng, chống			
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn hiệu trưởng, Chuẩn phó hiệu trưởng	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Trường Mầm non 2/9	Phòng hành chính
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Bảng thống kê trình độ giáo viên	Năm học 2019-2020 ,Năm học 2020-2021, Năm học 2021-2022, Năm học 2022-2023,	Trường Mầm non 2/9	Phòng chuyên môn
	2	[H2-2.2-02]	Bảng tổng hợp về đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non	Năm học 2019-2020 ,Năm học 2020-2021, Năm học 2021-2022	Trường Mầm non 2/9	Phòng chuyên môn
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Danh sách trích ngang cán bộ, giáo viên, nhân viên. Danh sách thống kê trình độ đội ngũ	Năm học 2019-2020 ,Năm học 2020-2021, Năm học 2021-2022, Năm học 2022-2023,	Trường Mầm non 2/9	Phòng chuyên môn
	2	[H2-2.3-02]	Hồ sơ đánh giá cán bộ công chức hàng năm	Năm học 2019-2020 ,Năm học 2020-2021, Năm học 2021-2022	Trường Mầm non 2/9	Phòng chuyên môn
	3	[H2-2.3-03]	Công văn, danh sách tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn của nhân viên.	Năm học 2021-2022, Năm học 2022-2023	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ nhà đất (Hồ sơ thiết kế xây dựng; sơ đồ tổng thể các khu vực sân chơi, bếp, khu hành chính trong nhà trường).	Năm 2008; Năm 2017	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh biển tên trường và tường rào.	Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh từng khu vực chơi của trẻ (Có sân chơi, cây xanh, đồ chơi ngoài sân trường).	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	4	[H3-3.1-04]	Danh mục đồ dùng – đồ chơi ngoài trời.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh phòng học, phòng sinh hoạt chung và các phòng chức năng	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh phòng giáo dục nghệ thuật	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023		chăm sóc giáo dục
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh phòng giáo dục thể chất	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh khu hành chính quản trị	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh khu vực để xe	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh nhà bếp. Hình ảnh kho thực phẩm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	[H3-3.4-02]	Hình ảnh tủ lưu mẫu thức ăn. Hồ sơ lưu mẫu 3 bước, phần mềm dinh dưỡng	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Y tế	Y tế
	3	[H3-3.4-03]	Sổ tài sản nhà bếp	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Y tế	Y tế
	4	[H3-3.4-04]	Hồ sơ hợp đồng (Hợp đồng công ty nước uống; doanh nghiệp tư nhân dịch vụ về xử lý rác thải; công ty Viettel về cung cấp dịch vụ internet và nối mạng nội bộ)	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H3-3.4-05]	Giấy xét nghiệm nước	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Cơ quan chức năng	Y tế
	6	[H3-3.4-06]	Hình ảnh khu vực để gas	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				2021-2022 Năm học 2022-2023		
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Hình ảnh đồ chơi tự làm	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	2	[H3-3.5-02]	Sổ báo hư tài sản	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Kế toán	Kế toán
	3	[H3-3.5-03]	Kế hoạch phân công sửa chữa	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H3-3.5-04]	Sổ theo dõi đồ chơi tự làm của giáo viên	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Giáo viên	Giáo viên
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hình ảnh hệ thống thoát nước ra cống rãnh; xử lý nước thải	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học	Y tế	Y tế

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				2021-2022 Năm học 2022-2023		
	2	[H3-3.6-02]	Hình ảnh khu vực đổ rác của lớp, của nhà trường.	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022 Năm học 2022-2023	Y tế	Y tế
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Quyết định thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ em		Trường Mầm non 2/9	
	2	[H4-4.1-02]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ trẻ em		Trường Mầm non 2/9	
	3	[H4-4.1-03]	Hình ảnh Cha mẹ trẻ nghe báo cáo chuyên đề.		Trường Mầm non 2/9	
	4	[H4-4.1-04]	Quyết định thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ em	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn
	5	[H4-4.1-05]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ trẻ em	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	6	[H4-4.1-06]	Hình ảnh Cha mẹ trẻ nghe báo cáo chuyên đề.	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn
	7	[H4-4.1-07]	Hình ảnh minh họa tuyên truyền đến phụ huynh	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ phổ cập Giáo dục mầm non		Trường Mầm non 2/9	
	2	[H4-4.2-02]	Quy chế phối hợp với công an xã Thới tam thôn		Trường Mầm non 2/9 -UBND xã Thới Tam Thôn	
	3	[H4-4.2-03]	Hồ sơ giảm học phí trẻ hộ nghèo, cận nghèo		Trường Mầm non 2/9	
	4	[H4-4.2-04]	Hồ sơ phối hợp tuyên truyền y tế		Trường Mầm non 2/9	
	5	[H4-4.2-05]	Văn bản đề xuất trang bị cơ sở vật chất xây dựng trường chuẩn quốc gia.		Trường Mầm non 2/9	
	6	[H4-4.2-06]	Kế hoạch hoạt động lễ hội, sự kiện		Trường Mầm non 2/9	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	7	[H4-4.2-07]	Hồ sơ phổ cập Giáo dục mầm non	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn
	8	[H4-4.2-08]	Quy chế phối hợp với công an xã Thới tam thôn	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn
	9	[H4-4.2-09]	Hồ sơ giảm học phí trẻ hộ nghèo, cận nghèo	Năm học 2018-2019	Trường Mầm non 2/9	Phòng hành chính
	10	[H4-4.2-10]	Hồ sơ phối hợp tuyên truyền y tế	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 2/9	Phòng y tế
	11	[H4-4.2-11]	Văn bản đề xuất trang bị cơ sở vật chất xây dựng trường chuẩn quốc gia.	Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 2/9	Phòng hành chính
	12	[H4-4.2-12]	Kế hoạch hoạt động lễ hội, sự kiện	Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Hồ sơ kết quả đánh giá trẻ em		Trường Mầm non 2/9	năm học 2017-2018, năm

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
						học 2018-2019, năm học 2019-2020, năm học 2020-2021, năm học 2021-2022
	2	[H5-5.1-02]	Bộ công cụ đánh giá trẻ 5 tuổi Bảng tổng hợp đánh giá trẻ của các lớp		Trường Mầm non 2/9	
	3	[H5-5.1-03]	Bộ công cụ đánh giá trẻ 5 tuổi. Bảng tổng hợp đánh giá trẻ của các lớp	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Hình ảnh các hoạt động của trẻ Hình ảnh hoạt động lễ hội, sự kiện, tham quan dã ngoại.			
	2	[H5-5.2-02]	Hình ảnh các hoạt động của trẻ. Hình ảnh hoạt động lễ hội, sự kiện, tham quan dã ngoại.	Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019	Trường Mầm non 2/9	Giáo viên
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Hồ sơ y tế		Trường Mầm non 2/9	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	[H5-5.3-02]	Sổ theo dõi sức khỏe của trẻ em		Trường Mầm non 2/9	
	3	[H5-5.3-03]	Hồ sơ phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì		Trường Mầm non 2/9	
	4	[H5-5.3-04]	Sổ thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng các lứa tuổi.		Trường Mầm non 2/9	
	5	[H5-5.3-05]	Hồ sơ y tế (có 5/5)	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 2/9	Phòng y tế
	6	[H5-5.3-06]	Sổ theo dõi sức khỏe của trẻ em(có 5/5)	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 2/9	Phòng y tế
	7	[H5-5.3-07]	Hồ sơ phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì(có 5/5)	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019, Năm học 2019-2020	Trường Mầm non 2/9	Phòng phó hiệu trưởng
	8	[H5-5.3-08]	Sổ thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng các lứa tuổi. (có 5/5)	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học	Trường Mầm non 2/9	Phòng Chuyên môn

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				2018-2019, Năm học 2019-2020		
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Bảng tổng hợp chuyên cần của trẻ		Trường Mầm non 2/9	
	2	[H5-5.4-02]	Danh sách trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non		Trường Mầm non 2/9	
	3	[H5-5.4-03]	Bảng tổng hợp chuyên cần của trẻ	Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019		Phòng Chuyên môn
	4	[H5-5.4-04]	Danh sách trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non	Năm học 2015-2016, Năm học 2016-2017, Năm học 2017-2018, Năm học 2018-2019		Phòng Chuyên môn